Thuyết Kiến tạo-Hành động trong Giáo dục Ngoại ngữ

Nhóm nhiên cứu

Trường Đại học Ngoại ngữ- Đại học Quốc gia Hà Nội

Xây dựng một công nghệ cần:

+ Nền tảng lý thuyết

+ Quy trình chặt chẽ

+ Thực nghiệm

+ Sản phẩm xã hội

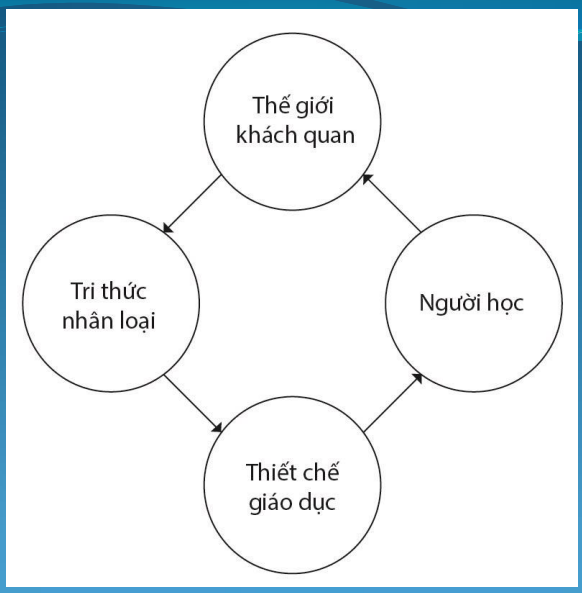

QUY TRÌNH 4 YẾU TỐ CẤU THÀNH

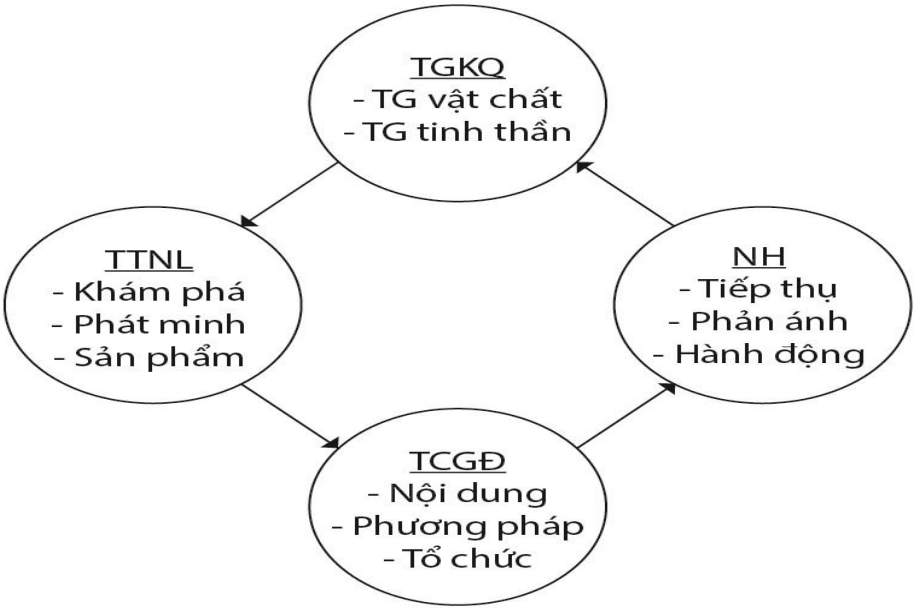

QUY TRÌNH 4 YẾU TỐ CẤU THÀNH

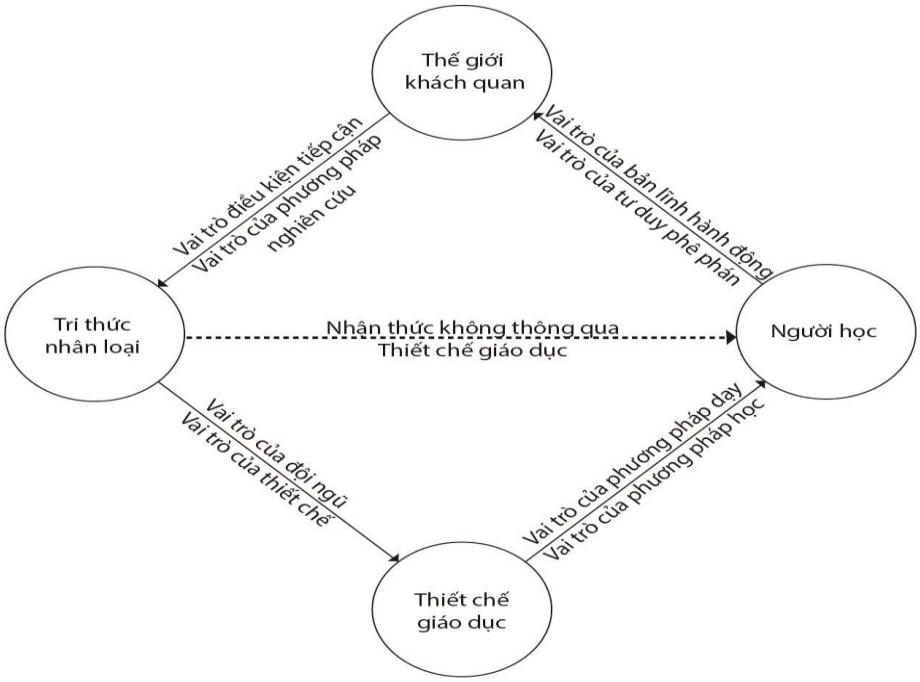

Người học

- Kiến tạo nội sinh (Piaget)
- Kiến tạo xã hội (Vygosky)

Kiến tạo tri thức = **Trải nghiệm cá nhân** + **Tương tác cộng đồng**

Quan điểm kiến tạo

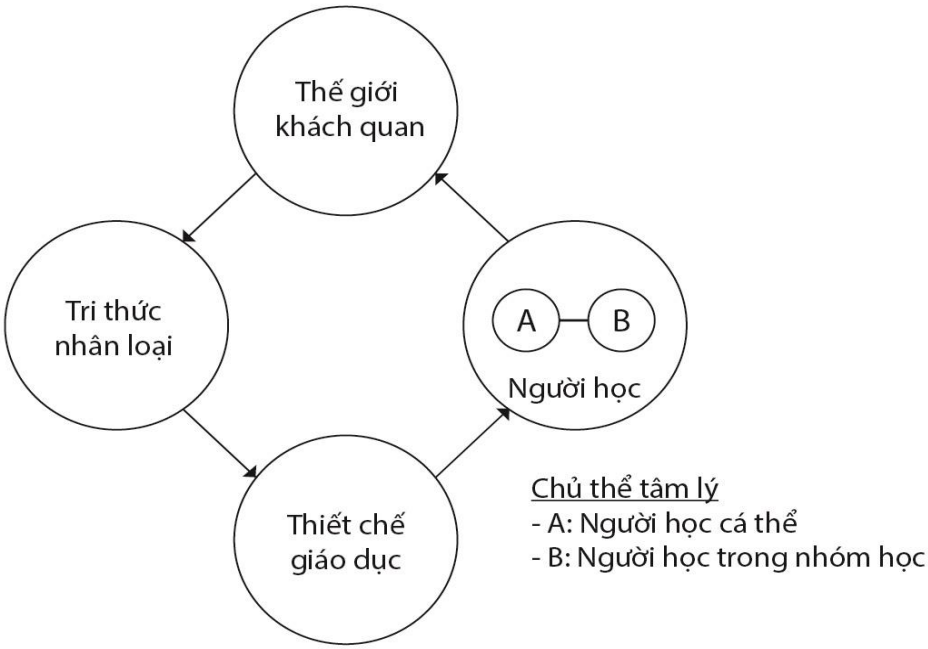

Người học kiến tạo tri thức

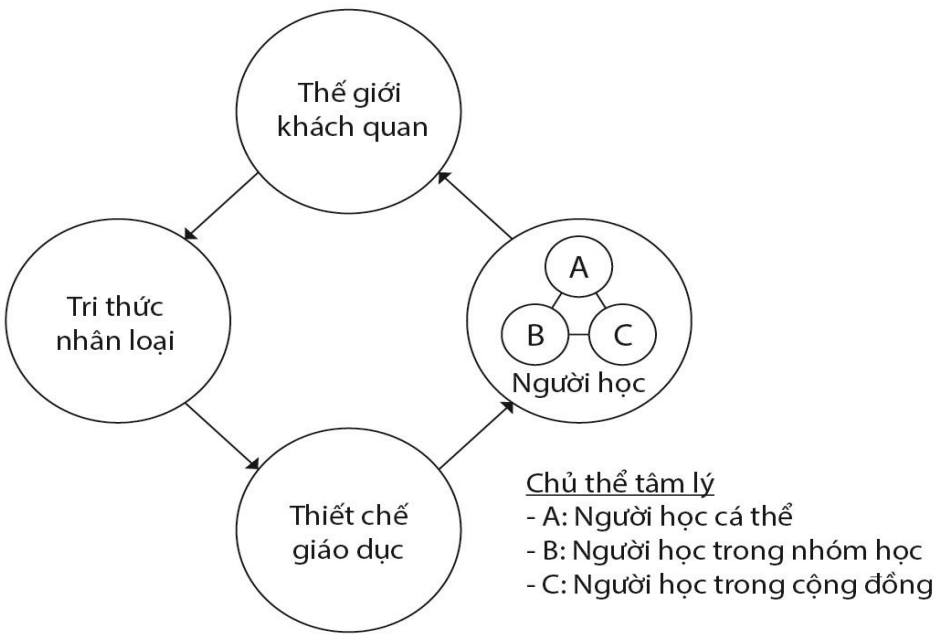

Kiến tạo tri thức và hành động

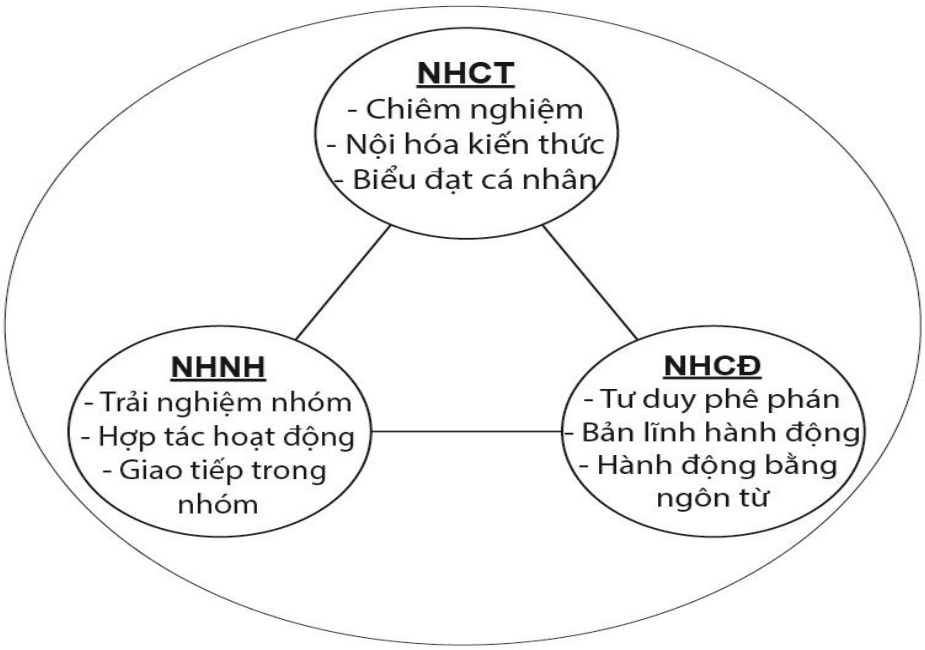

Bản chất của các quá trình tâm lý

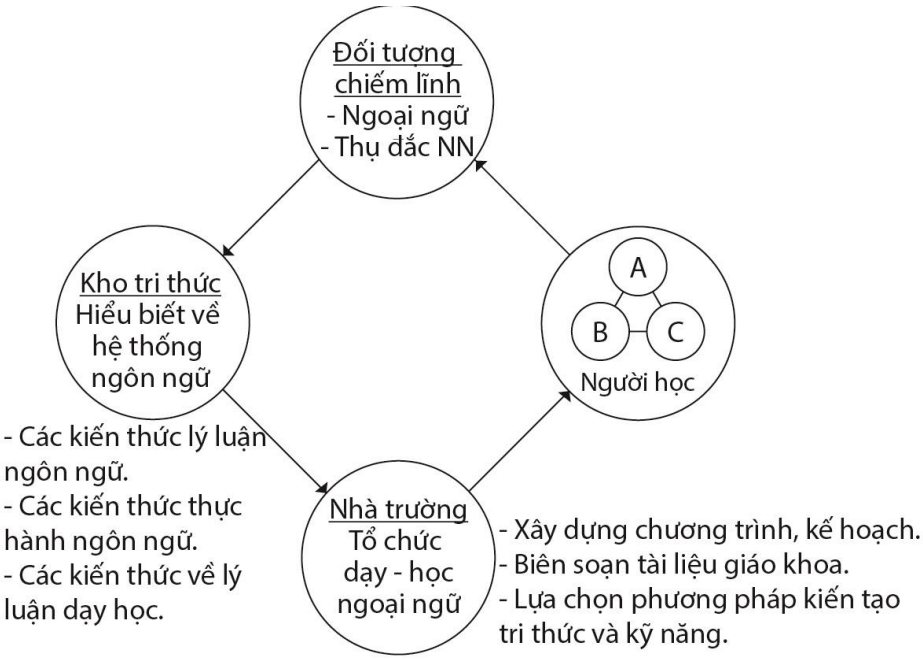

Học ngoại ngữ

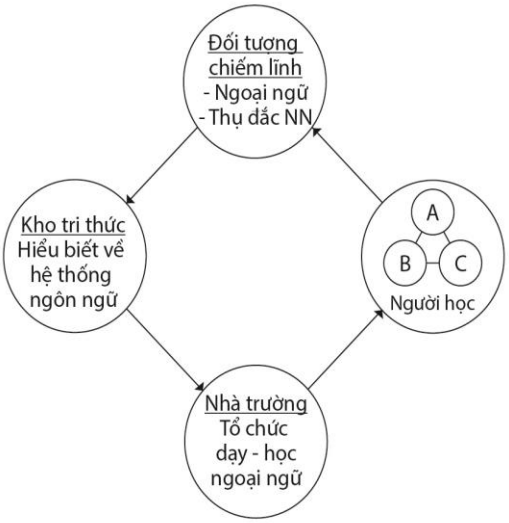

A : - Người học nội hóa kiến thức.
- Người học thực hành cá nhân.

B : - Người học trải nghiệm, chia sẻ trong nhóm.
- Người học cùng hợp tác hoạt động trong nhóm.

C : - Người học phát triển tư duy phê phán, bản lĩnh hành động XH.
- Người học hành động thông qua và bằng ngôn từ.

Học ngoại ngữ

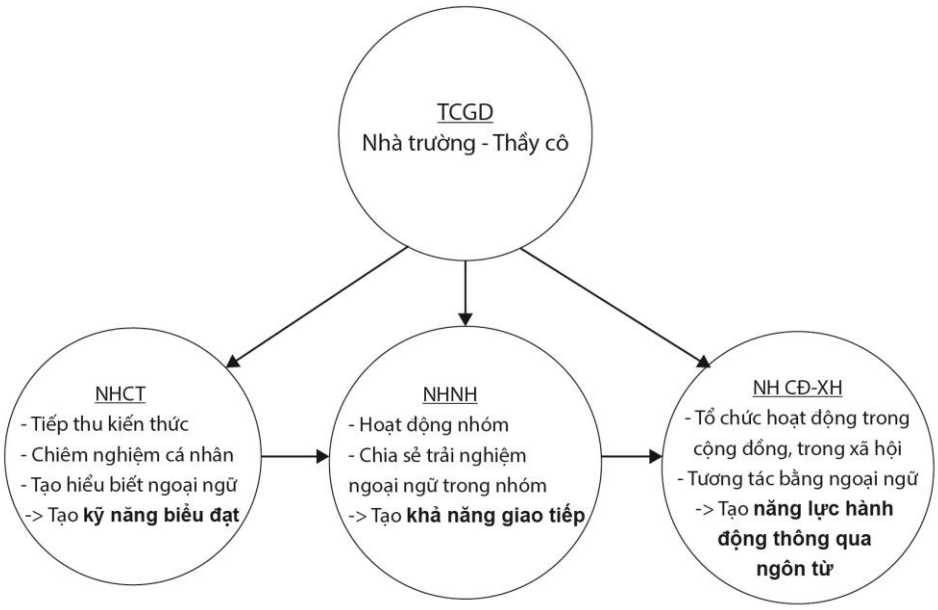

MỤC TIÊU TÁC ĐỘNG CỦA TCGD VÀO CÁC QUÁ TRÌNH TÂM LÝ

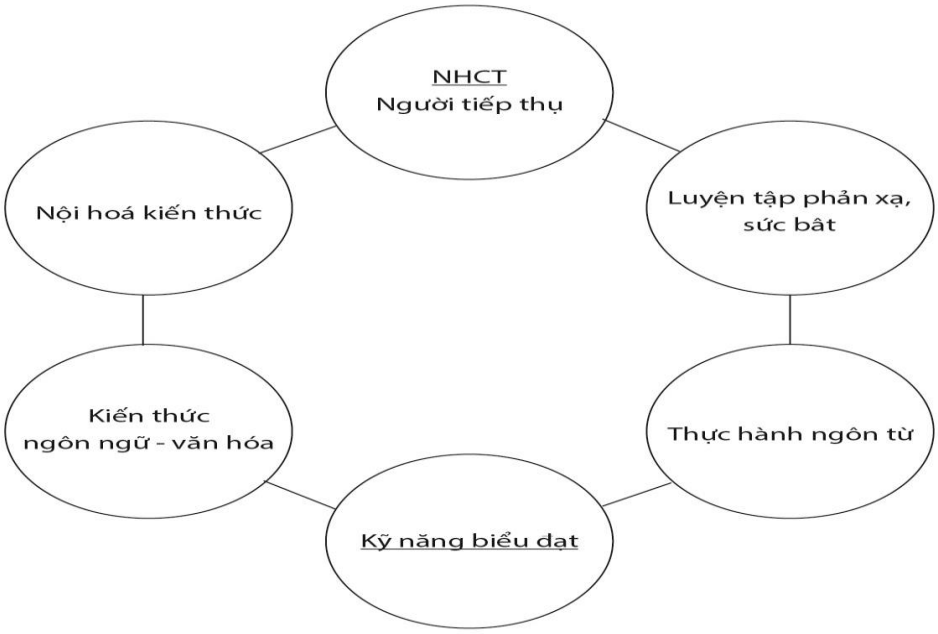

NGƯỜI HỌC CÁ THỂ

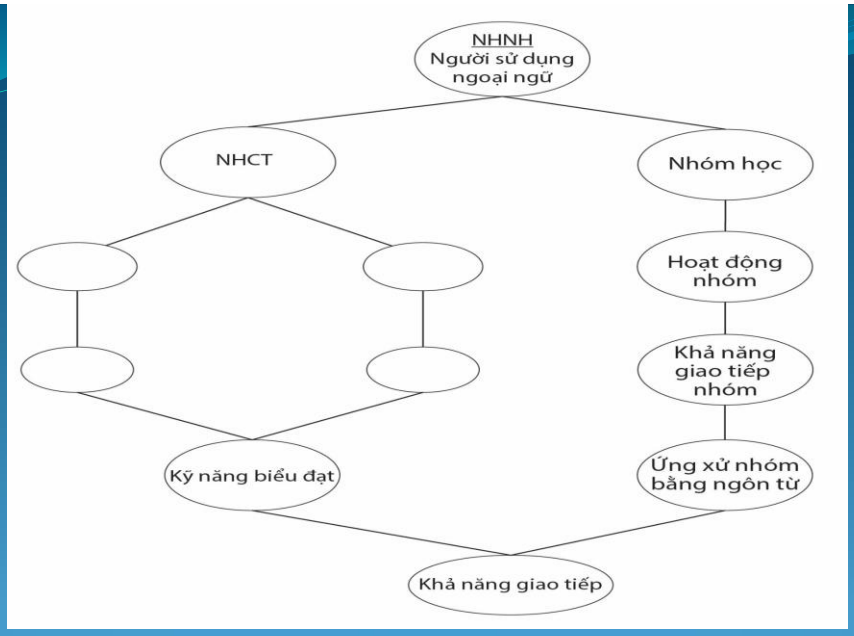

NGƯỜI HỌC TRONG NHÓM HỌC

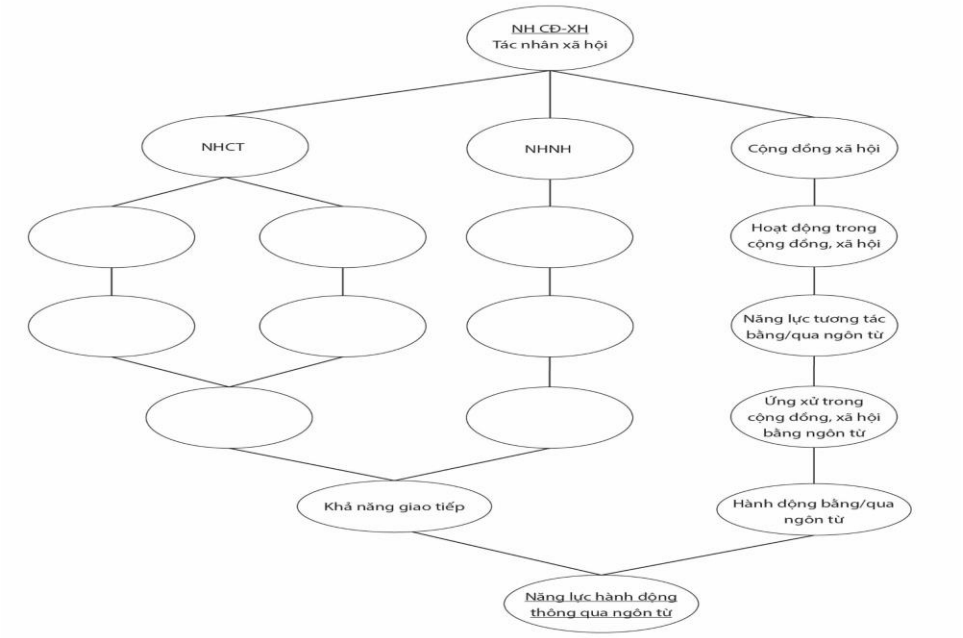

NGƯỜI HỌC TRONG CỘNG ĐỒNG

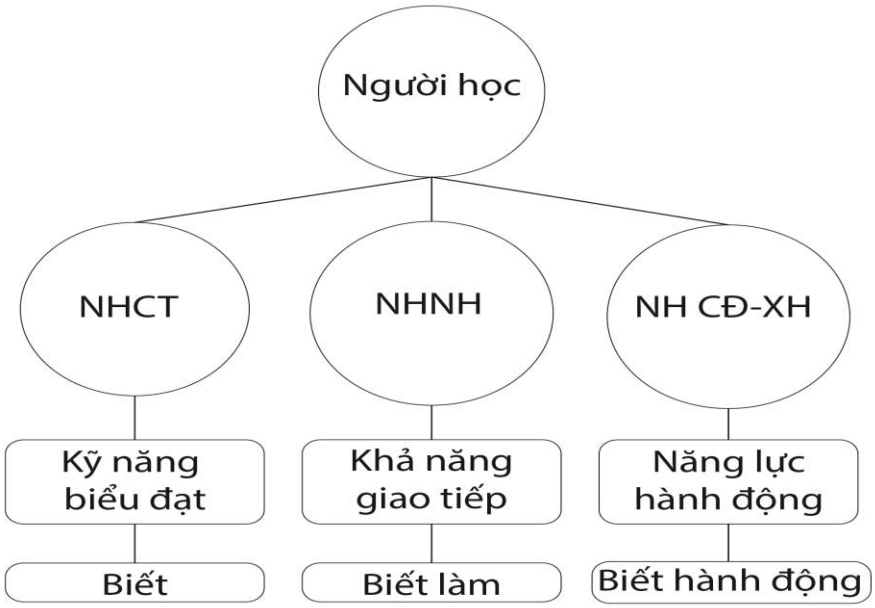

MỤC TIÊU HƯỚNG TỚI

Ngôn ngữ học (và các ngành khoa học kế cận)

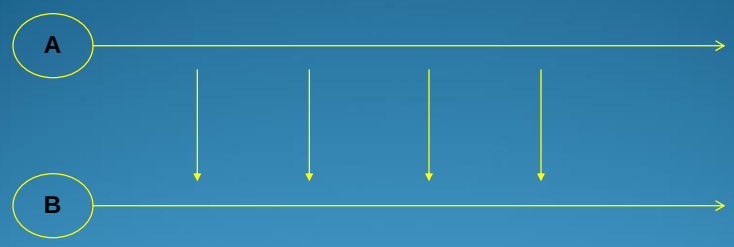

Quá trình dạy – học Ngôn ngữ/Ngoại ngữ

Lịch sử phát triển ngôn ngữ học

Cấu trúc luận

Sản sinh luận

Ngữ dụng luận

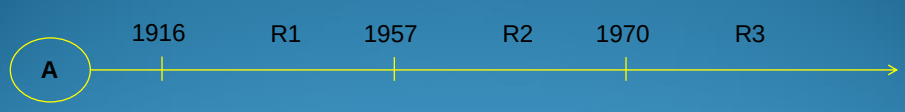

F de Saussure
"Giáo trình ngôn ngữ học đại cương"

N. Chomsky
"Cấu trúc ngữ pháp"

J. Austin
"Nói là hành động"

Ngôn ngữ → Cấu trúc

Ngôn ngữ → Quy tắc

Ngôn ngữ → Hành động

Lịch sử phát triển giáo học pháp

Phương pháp truyền thống	Phương pháp nghe-nhìn	Đường hướng chức năng giao tiếp	Quan điểm hành động

A — 1916 — 1957 — 1970

	R1	R2	R3
Kinh điển	Đổi mới	Tiến bộ	Đột phá

Các phương pháp giảng dạy Ngoại ngữ

Truyền thống	Nghe - Nhìn	Giao tiếp	Hành động
- Phương pháp Đọc hiểu	- Phương pháp Trực tiếp	- Đường hướng Chức năng	- Quan điểm Tối giản
- Phương pháp Ngữ pháp	- Phương pháp Nghe – nói	- Đường hướng Giao tiếp	- Quan điểm Giao tiếp - Hành động
- Phương pháp Dịch	- Phương pháp Nghe - nhìn	- Đường hướng Cộng đồng	- Quan điểm Hợp tác – Hành động

NGƯỜI HỌC TRONG CỘNG ĐỒNG

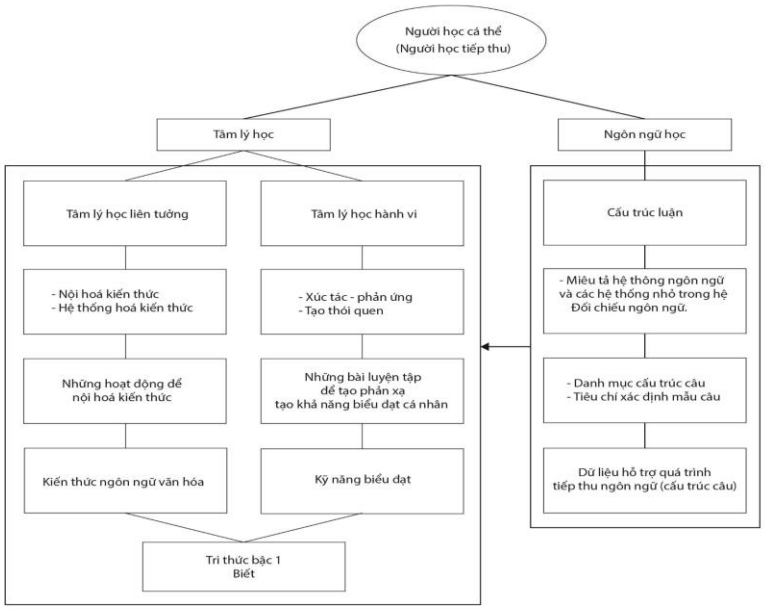

VAI TRÒ CỦA TÂM LÝ HỌC VÀ NGÔN NGỮ HỌC

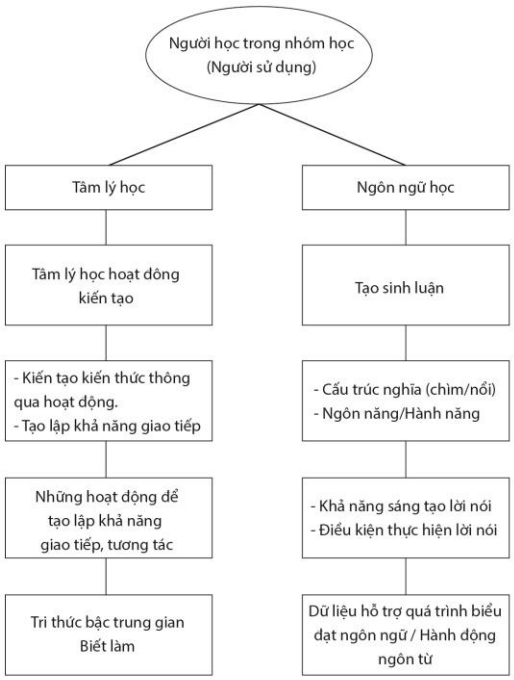

VAI TRÒ CỦA TÂM LÝ HỌC VÀ NGÔN NGỮ HỌC

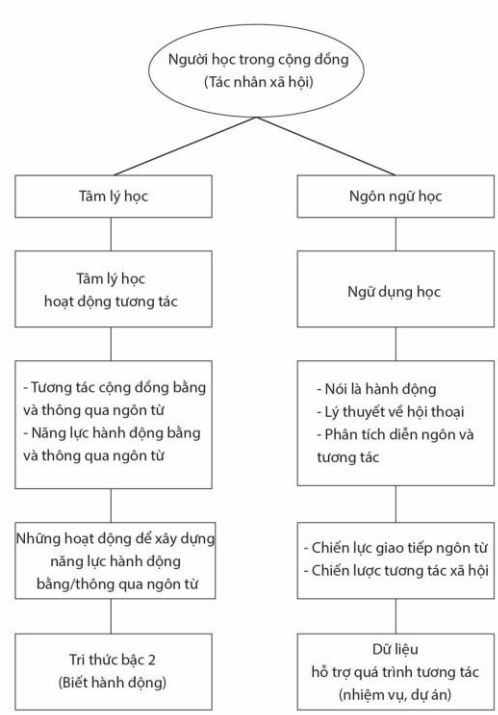

VAI TRÒ CỦA TÂM LÝ HỌC VÀ NGÔN NGỮ HỌC

GHP / Yếu tố	Các Phương pháp nghe-nhìn	Đường hướng Chức năng - giao tiếp	Quan điểm hành động
Chủ thể tâm lý	Người học cá thể (Người tiếp thụ)	Người học trong nhóm học (Người sử dụng)	Người học trong cộng đồng (Tác nhân xã hội)
Mục tiêu	Biết (kiến thức, kỹ năng ngôn từ) Having	Biết làm (khả năng giao tiếp bằng ngôn từ) Having + Being	Biết hành động (năng lực hành động bằng ngôn từ) Being
Triết lý đầu ra	Tạo kỹ năng biểu đạt	Tạo khả năng giao tiếp	Tạo năng lực tương tác
Đơn vị dạy học	Mẫu câu	Hành động ngôn từ	Nhiệm vụ, dự án
Phương thức học	Bắt chước	Trải nghiệm nhóm	Hành động bằng ngôn từ để đạt mục đích xã hội
Yêu cầu sản phẩm	**Đúng** Biểu đạt câu đúng	**Đúng+Tình huống** Giao tiếp phù hợp tình huống	**Đúng+Tình huống+Tương tác** Hành động chuẩn thông qua ngôn từ

Người học cá thể

- Hoạt động học tập nào để nội hóa kiến thức?
- Tiếp thụ các yếu tố của hệ thống ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) và các yếu tố văn hóa qua ngôn từ như thế nào?
-Xây dựng các loại hình bài tập cấu trúc nào và thực hiện các bài tập này ra sao ở lớp học và ở phòng học tiếng để tạo sức bật?
- Tạo lập khả năng biểu đạt các kỹ năng nghe-nói-đọc-viết như thế nào?
- Trải nghiệm cá nhân như thế nào?

Tiếp thụ kiến thức
Tạo kỹ năng biểu đạt

Người học trong nhóm học

- Hoạt động học tập nào để tạo lập khả năng giao tiếp?
- Xây dựng và thực hành các hành động ngôn từ trong tình huống như thế nào?
- Xây dựng hệ thống các hoạt động nhóm như thế nào để tạo lập khả năng giao tiếp của người học?
- Trải nghiệm trong nhóm học, lớp học (môi trường học đường) như thế nào là hiệu quả?

Tạo khả năng
Giao tiếp tương tác

Người học trong cộng đồng

- Hoạt động học tập nào để xây dựng năng lực hành động bằng và thông qua ngôn từ?
- Thiết kế và tổ chức thực hiện các Nhiệm vụ, các Dự án như thế nào?
- Tạo lập năng lực tương tác bằng ngôn từ, xây dựng tư duy phê phán, xây dựng bản lĩnh hành động thông qua giao tiếp ngôn từ như thế nào?
- Trải nghiệm trong nhóm học, lớp học (môi trường ngoài học đường), trong cộng đồng, trong xã hội như thế nào?

Tạo năng lực
hành động bằng và thông qua ngôn từ

KẾT LUẬN

1. Ba chủ thể tâm lý của người học.
2. Tư tưởng cốt lõi của thuyết kiến tạo hành động

- Thuyết kiến tạo trong tâm lý.
- Thuyết ngữ dụng trong ngôn ngữ.
- Thuyết hành động trong giáo học Pháp.

NGƯỜI HỌC CÁ THỂ

- Tiếp thụ, nội hóa kiến thức, tích lũy kiến thức, tạo lập phản xạ, tạo lập sức bật, rèn luyện kỹ năng biểu đạt độc thoại, 4 kỹ năng bình đẳng.

NGƯỜI HỌC TRONG NHÓM HỌC

- Sử dụng hiểu biết, phát huy sức bật ở người học cá thể để hoạt động bằng ngôn từ trong nhóm, trải nghiệm nhóm, giao tiếp để thực hiện các nhiện vụ, các dự án, quan tâm đặc biệt đến các kỹ năng sản sinh.

NGƯỜI HỌC TRONG CỘNG ĐỒNG

- Thực hiện các mục đích xã hội thông qua và bằng ngôn từ, "thoát ly khỏi môi trường học đường", thoát ly khỏi mục tiêu ngôn từ để hành động xã hội, lấy thành công của việc thực hiện này làm thước đo kết quả cuối cùng.

TƯ TƯỞNG CỐT LÕI CỦA ĐƯỜNG HƯỚNG KIẾN TẠO-HÀNH ĐỘNG

1. Thuyết Kiến tạo trong Tâm lý học

+ ***Kiến tạo Nội sinh***: tri thức là sản phẩm của hoạt động, được tạo ra bởi chủ thể thông qua trải nghiệm cá nhân, tri thức được xuất hiện khi chủ thể tự cấu trúc vào hệ thống bên trong của mình.

+ ***Kiến tạo Xã hội***: tri thức phải được hiểu như là một thứ được nảy sinh trong các tương tác xã hội, trong điều kiện, cảnh huống nhất định, nó được hình thành thông qua tương tác, tranh luận, trao đổi trong cộng đồng.

TƯ TƯỞNG CỐT LÕI CỦA ĐƯỜNG HƯỚNG KIẾN TẠO-HÀNH ĐỘNG

2. Thuyết ngữ dụng trong ngôn ngữ học

TƯ TƯỞNG CỐT LÕI CỦA ĐƯỜNG HƯỚNG KIẾN TẠO-HÀNH ĐỘNG

3. Thuyết Hành động trong Giáo học pháp Ngoại ngữ

LUẬN THUYẾT - NGUYÊN LÝ

1. Các luận thuyết chính

- Thuyết Kiến tạo-Hoạt động (nội sinh và xã hội) trong Tâm lý học
- Thuyết ngữ dụng trong Ngôn ngữ học
- Thuyết hành động trong Giáo học pháp

2. Các nguyên lý cốt lõi

- Ý thức và hoạt động là 2 từ chìa khóa (ý thức là điểm xuất phát và hoạt động là phương thức, đây là quy luật)
- Tích cực hóa tối đa người học bằng mọi cách, mọi phương tiện, mọi công cụ, coi trọng việc tạo ra niềm hứng khởi, sự hứng thú cao nhất ở người học bằng cách kích thích và đáp ứng nhu cầu của người học.

Chủ thể người học trong môi trường:

- Các yếu tố nội diên (của bản thân cá thể)

+ cấp học, độ tuổi
+ nhu cầu, mục đích
+ chuyên ngành
+ sở thích, hứng thú

- Các yếu tố ngoại diên (tác động từ bên ngoài vào)

+ điều kiện gia đình
+ điều kiện xã hội
+ điều kiện giáo dục
+ bối cảnh lịch sử

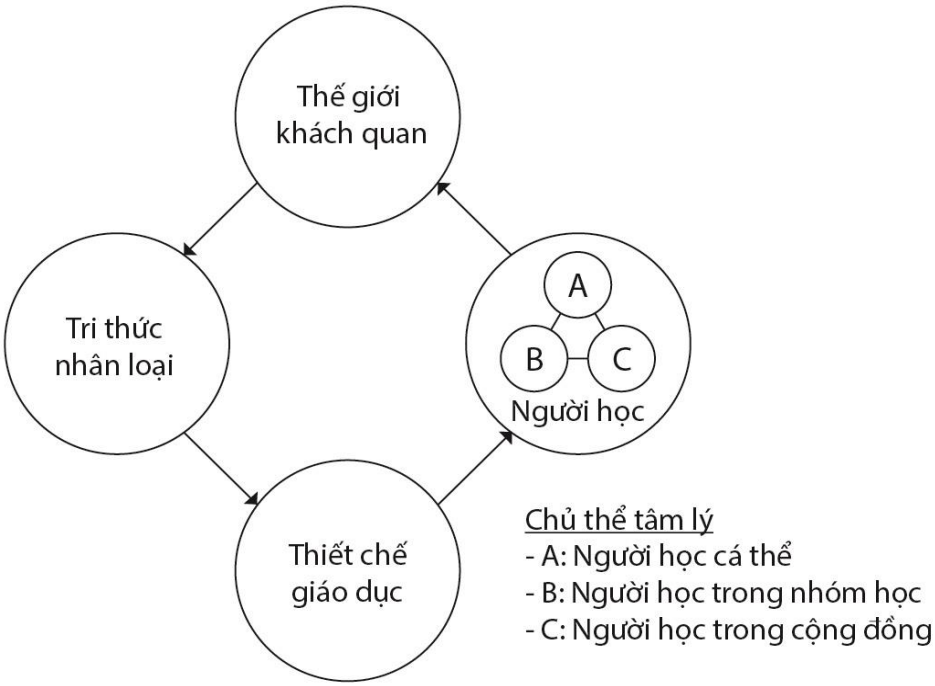

Nhóm nghiên cứu 1:

- Những vấn đề vị trí, vai trò quốc tế, khu vực và ở Việt Nam của ngôn ngữ đó.
- Những vấn đề về thụ đắc ngôn ngữ.

Nhóm nghiên cứu 2:

- Những vấn đề về ngôn ngữ đó trong hệ thống và trong diễn ngôn.
- Những vấn đề ngôn ngữ lịch sử và đối chiếu.

Nhóm nghiên cứu 3:

- Những vấn đề về nội dung dạy và học.
- Những vấn đề về phương pháp dạy và học.
- Những vấn đề về tổ chức dạy và học.

Nhóm nghiên cứu 4: Người học cá thể

Nhóm nghiên cứu 5: Người học trong nhóm học

Nhóm nghiên cứu 6: Người học trong cộng đồng

- Hệ thống các hoạt động sư phạm đặc thù cụ thể, các kỹ thuật, thủ thuật, thủ pháp áp dụng cho việc dạy và học trong và ngoài lớp (cho người học cá thể, người học trong nhóm học và người học trong cộng đồng).
- Các sản phẩm luyện tập cụ thể có ứng dụng Công nghệ thông tin, có khả năng phục vụ xã hội.

Đóng góp của các ngành Tâm lý học và Ngôn ngữ học vào việc định hình Đường hướng Kiến tạo-Hành động trong Giáo dục Ngoại ngữ

PGS. Nguyễn Lân Trung
và nhóm nghiên cứu Trường ĐHNN-ĐHQGHN

1. Về một Mô hình mới Dạy-Học Ngoại ngữ

Một xã hội muốn phát triển phải không ngừng đẩy mạnh và hoàn thiện nền giáo dục của mình. Trong lịch sử hình thành và gây dựng, xã hội loài người đã trải qua nhiều quan điểm, nhiều lí thuyết, nhiều mô hình giáo dục khác nhau, nhưng tựu chung mọi nền giáo dục đều hướng đến người học, chủ thể của quá trình phản ánh khách thể vào ý thức, dưới sự chi phối của hành động. Ở Việt Nam, giáo dục luôn được coi là quốc sách hàng đầu, là mối quan tâm của lãnh đạo đất nước, của giới nghiên cứu và của toàn xã hội. Tâm điểm của giáo dục luôn là không ngừng tìm kiếm những lý luận mới, những phương thức mới, những mô hình mới giúp người học chủ động, sáng tạo tạo lập tri thức của mình, chuyển hóa thành hành động phục vụ cuộc sống, phục vụ xã hội và phục vụ chính bản thân mình, Nghị quyết Trung ương 8, Khóa 11 đã chỉ rõ: **"Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy và học theo hướng hiện đại, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học, khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực"**.

Trong số những lí thuyết và mô hình Tâm lí học nhiều năm qua và cả hiện nay đang được quan tâm nhiều nhất trong lĩnh vực nghiên cứu giáo dục, sẽ khiếm khuyết khi chúng ta không nhắc đến **Thuyết kiến tạo** và **Tâm lý học Hoạt động**, đó là những học thuyết đã phát triển mạnh mẽ trong thế kỷ XX và đã có những đóng góp to lớn vào việc cải biến những quan điểm giáo dục đương thời.

Còn trong những lĩnh vực Ngôn ngữ học, **Thuyết Cấu trúc**, **Thuyết Tạo sinh** và **Thuyết Ngữ dụng** đã đem đến những cách nhìn mới mẻ về năng lực ngôn ngữ của

con người, đặc biệt là về quyền năng của ngôn từ, tạo nên những thay đổi căn bản trong giáo dục ngôn ngữ nói chung và giáo dục ngoại ngữ nói riêng.

Học thuyết Kiến tạo (Constructivism) ra đời từ những năm cuối thế kỷ XIX và phát triển mạnh mẽ trong thế kỷ XX (xem thêm Le Moigne J.L., Le Constructivisme, tome 2 : Epistémologie de l'interdisciplinarité, Paris, Harmattan, 2002). Đó là thành quả nghiên cứu của cả một tập thể các tác giả nhiều nước trên thế giới, trong đó phải kể đến hai cái tên nổi trội nhất, đó là nhà Tâm lý học người Thụy Sỹ J.PLAGET (1896 – 1980) và nhà Tâm lý học người Nga L.VYGOSKY (1896 – 1934). J.PIAGET đã xây dựng nên **Thuyết Kiến tạo Nội sinh**, còn L.VYGOSKY đã phát triển nó thành **Thuyết Kiến tạo Xã hội.** J.PIAGET cho rằng tri thức là sản phẩm của hoạt động được tạo ra bởi chủ thể thông qua trải nghiệm cá nhân, tri thức được xuất hiện thông qua việc chủ thể nhận thức tự cấu trúc vào hệ thống bên trong của mình. Nói một cách nôm na, đối với một cá nhân, kiến thức bên ngoài khi tiếp nhận còn "mơ hồ", chỉ có qua "trải nghiệm" mới trở thành "tri thức" của cá nhân đó. Thuyết Kiến tạo của J.PIAGET tập trung vào quá trình kiến tạo tri thức của cá nhân riêng biệt, đề cao vai trò cá nhân, tính chủ động, tích cực của các nhân. Còn L.VYGOSKY thì cho rằng tri thức phải được hiểu như là một thứ được nảy sinh trong các tương tác xã hội, trong điều kiện cảnh huống nhất định, nó được hình thành thông qua tương tác, tranh luận, trao đổi trong cộng đồng. Nói cách khác đi, kết hợp quan điểm của J.PIAGET và L.VYGOSKY, có thể thấy rằng **một cá nhân nhận thức sự vật, khái niệm bằng trải nghiệm của bản thân và hoàn thiện "tri thức" đó từ sự "va chạm", sự "chà xát", sự "tương tác" với "cộng đồng", trong những "cảnh huống" nhất định**. Như vậy, có thể hiểu một cách giản đơn là mỗi cá nhân có "một mô hình về thế giới khách quan" riêng cho mình, tuy nhiên vì con người tồn tại và hoạt động trong sự tương tác với xã hội, với cộng đồng nên mô hình đó của các cá nhân cần phải có sự tương thích với thế giới bên ngoài.

Từ những kiến giải của các tác giả trên, chúng ta có thể mường tượng sơ đồ những yếu tố cấu thành quá trình cá nhân nhận thức thế giới khách quan bên ngoài và tác động trở lại thế giới ấy như sau:

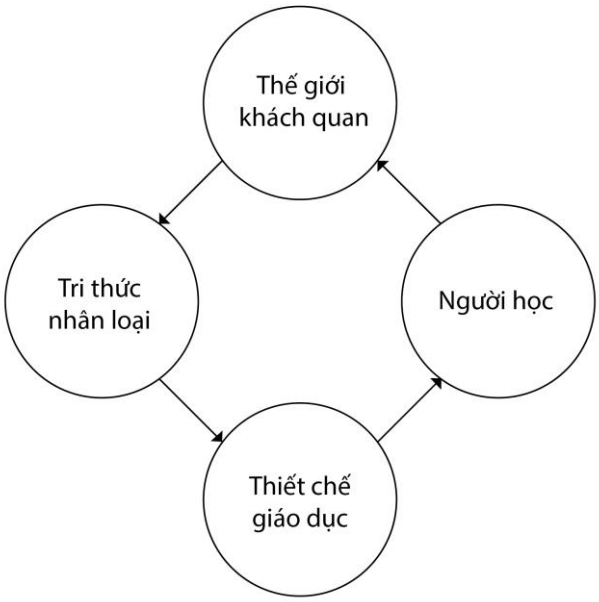

Hình 1. Sơ đồ mối quan hệ giữa người học và thế giới khách quan

Thế giới khách quan (thế giới vật chất và thế giới tinh thần) là khách thể nghiên cứu của các nhà khoa học, của toàn xã hội. Tìm tòi, nghiên cứu, khám phá sẽ làm cho kho tàng **tri thức nhân loại** ngày một giàu lên. Con người sinh ra, phát triển cần tiếp cận kho tàng đó để "lớn lên", để tồn tại và để tác động ngược trở lại thế giới ấy. Có nhiều "kênh" để tiếp cận kho tri thức đó, hoặc trực tiếp hoặc thông qua gia đình và các thiết chế xã hội, trong đó **giáo dục là thiết chế** quan trọng nhất trong chu trình hình thành tri thức cá nhân. Giáo dục sẽ lựa chọn tri thức, sắp xếp tri thức, áp dụng các phương pháp chuyển tải được cho là hữu hiệu nhất để giúp chủ thể người học tiếp cận dễ dàng, nhớ lâu, nhớ sâu những nội dung tri thức đã được lựa chọn đưa vào tri thức của cá nhân mình (cấu trúc lại theo cách thức của mình), cá nhân cần phải trải qua quá trình chiêm nghiệm, trải nghiệm những "cái mới" trên nền tảng những "cái cũ" để tạo dựng những cái mà chúng tôi gọi là **tri thức bậc 1**, những tri thức còn khá "mơ hồ" và "phiến diện". Để hoàn thiện những hiểu biết cá nhân này, **cá thể người học** cần phải được cọ xát, tương tác với những cá thể xung quanh trong **nhóm học**, trong **cộng đồng – xã hội**. Sự "chà xát" này thông qua các quá trình "chia sẻ kinh nghiệm", "trải nghiệm cộng đồng", "cùng nhau hành động"... , sẽ dần làm cho "tri thức bậc 1" của cá nhân bớt mơ hồ đi, trở nên đầy đủ hơn, hoàn thiện hơn, hệ thống hơn, "tiệm cận chân lý" hơn, cái

mà chúng tôi gọi là **tri thức bậc trung gian** và **tri thức bậc 2**. Chính "tri thức bậc 2" của cá nhân là "nền tảng", là "động lực" để chủ thể người học phát huy "tư duy phê phán", phát huy "bản lĩnh hành động" để dần trở thành một chủ thể tác động ngược lại thế giới khách quan bên ngoài.

Như vậy, sơ đồ mối quan hệ giữa chủ thể người học và thế giới khách quan có thể được phát triển như sau:

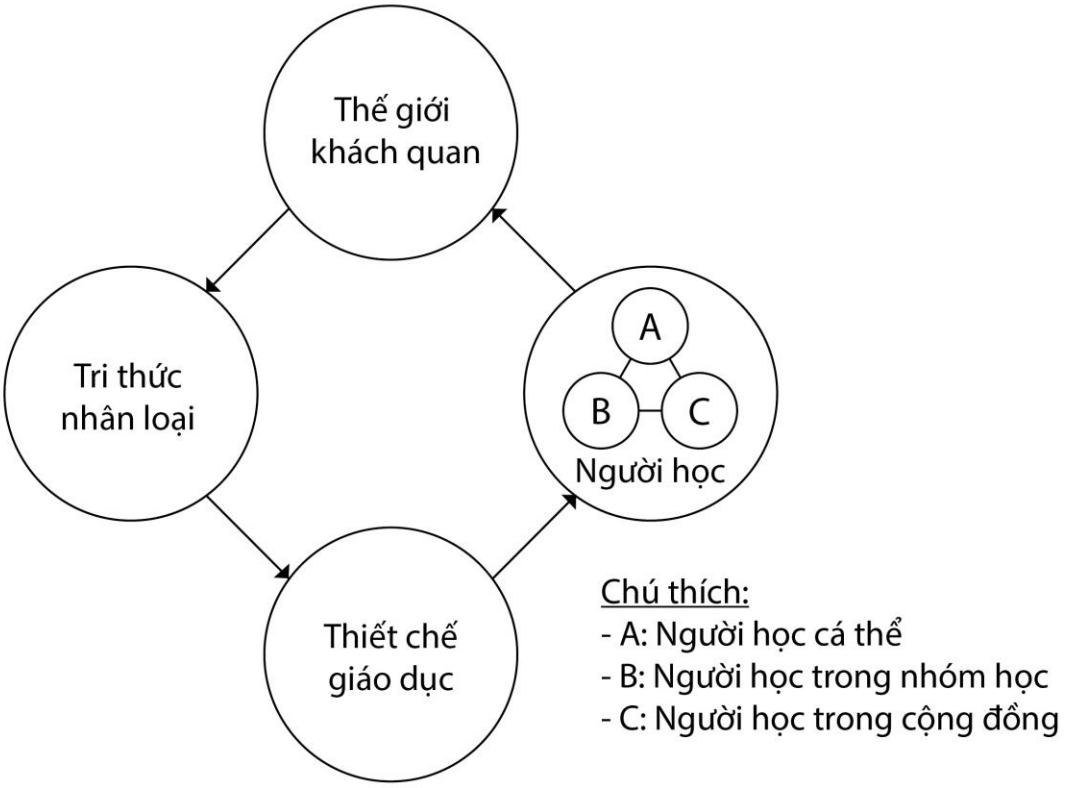

Hình 2: Yếu tố chủ thể người học

Từ nhận thức về thế giới bên ngoài đến tác động góp phần thay đổi thế giới bên ngoài, chủ thể người học đã thực sự trở thành **tác nhân xã hội**, làm cho chu trình nhận thức cá nhân từ "khép kín" trở thành "chu trình mở", từng vòng đi theo các vòng xoáy trôn ốc từ dưới lên trên, cái mô hình mà chúng ta thường gọi là **Mô hình xoáy lốc**. Đây chính là những cơ sở tâm lý xã hội nền tảng dựa trên đó chúng ta xây dựng lý luận **"Kiến tạo – Hành động trong Giáo dục Ngoại ngữ"**, nhằm tiến tới hình thành một **"Công nghệ Giáo dục Ngoại ngữ"** mới.

2. Đóng góp của ngành Tâm lý học vào lý luận dạy-học ngoại ngữ

Trở lại với những học thuyết về Tâm lý học và Ngôn ngữ học dựa trên đó "Đường hướng Kiến tạo – Hành động trong giáo dục Ngoại ngữ" (Actional Constructivism in Foreign Language Education – ACFEL) đã hình thành, đây là những cơ sở khoa học nền tảng được trải nghiệm từ rất lâu nay và phần lớn đã thuyết phục được những nhà nghiên cứu khó tính nhất.

Trước hết về phương diện Tâm lý học, đó là sự kết nối và kế tiếp của các thuyết tâm lý: "Tâm lý học Liên tưởng", "Tâm lý học Hành vi" và "Tâm lý học Hoạt động". Nếu như **Tâm lý học Liên tưởng** đặt trọng tâm vào mối liên hệ trực tiếp giữa sự vật, hiện tượng và hình thức tâm lý biểu hiện, còn **Tâm lý học Hành vi** đề cao mối quan hệ giữa cái xúc tác và phản ứng từ xúc tác (S → R), thì **Tâm lý học Hoạt động (TLHHĐ)** đi sâu vào **ý thức** của con người. Đó là sự chủ động nắm bắt tri thức, hiểu biết về thế giới khách quan để từ đó tích cực cải tạo hiện thực theo mục đích của con người. Trong giáo dục, ý thức chính là "sự tích cực chiếm lĩnh đối tượng học tập của mình để nâng cao bản lĩnh hành động". Nói một cách khác, **mục đích của TLHHĐ trong giáo dục là tìm phương thức tích cực hóa người học**, đây là điểm cốt lõi. TLHHĐ chỉ ra sự khác biệt cơ bản giữa tâm lý con người và tâm lý động vật (đoạn tuyệt với cách ứng xử động vật), TLHHĐ mang bản chất xã hội, văn hóa, lịch sử (với vai trò của tương tác xã hội), **con đường hình thành của TLHHĐ là con đường hoạt động** (đây là quy luật), không có nguồn gốc di truyền mà có nguồn gốc từ bên ngoài (sự phân biệt giữa tâm lý bên trong và bên ngoài). Quan điểm của TLHHĐ là con người tự làm ra mình, làm ra bản thân tâm lý của mình (con người sinh ra chưa có tâm lý, chưa có trí tuệ, chưa có ngôn ngữ, mà tự tạo ra cho mình nhờ/ thông qua/ bằng hoạt động của bản thân). Vì vậy, soi vào trong giáo dục, chủ thể người học phải thể hiện tính tích cực, tính tự giác chiếm lĩnh đối tượng học tập (là ngoại ngữ chẳng hạn) còn thiết chế giáo dục phải tổ chức hoạt động cho người học (điều mấu chốt của tổ chức dạy và học), và vì tâm lý con người có nguồn gốc từ bên ngoài, do hoạt động bên ngoài chuyển vào cho nên phải tổ chức "chiếm lĩnh nó" từ bên ngoài người học (bên ngoài càng tường minh thì bên trong cũng sẽ tường minh). Ở đây cần nói rõ hơn về vai trò của **chức năng tâm lý bên ngoài** và

chức năng tâm lý bên trong. Chức năng tâm lý bên ngoài là hoạt động trong và bằng tập thể, bằng cộng đồng xã hội (đối với thiết chế giáo dục, đó là hoạt động học tập trong và ngoài lớp học), còn chức năng tâm lý bên trong đòi hỏi người học phải tự giác, chủ động, độc lập, sáng tạo, thực hiện các hoạt động chiêm nghiệm, trải nghiệm cá nhân, chuyển nội dung được học thành "vốn riêng" của cá nhân. Như vật, yêu cầu trong giáo dục là sự tương tác giữa chủ thể và đối tượng thông qua hoạt động học tập, các hoạt động này có thể bao gồm:

- Tạo lập động cơ học tập (bằng chính sự hấp dẫn của nội dung chiếm lĩnh)
- Tổ chức hoạt động học tập (xác định mục tiêu, xây dựng nội dung, đề xuất nhiệm vụ)

Trong các hoạt động dạy và học, việc xây dựng lên các **mẫu**, tổ chức thể hiện các mẫu (giới thiệu, giải thích, hướng dẫn mẫu) và tổ chức luyện tập các mẫu (trong các tình huống đa dạng, trong và ngoài thiết chế nhà trường) đóng vai trò quan trọng. Tương tác này được thực hiện qua trung gian là các công cụ: **công cụ tâm lý** (tác động vào tâm lý người học) và **công cụ kỹ thuật** (nối dài khí quan của con người và tăng lên bội phần sức mạnh của con người).

Ta hãy lấy ví dụ từ trong hoạt động dạy – học một ngôn ngữ. Sự tương tác giữa chủ thể (là người học ngôn ngữ đó) và đối tượng (là ngôn ngữ thụ đắc và sự thụ đắc ngôn ngữ đó) sẽ thông qua các hoạt động học tập, bao gồm:

- Tạo lập động cơ của hoạt động học tập: nhu cầu, mong muốn giao tiếp, thực hiện hoạt động lời nói
- Xác định mục đích của hoạt động học tập: nắm được và thực hành tốt các hoạt động lời nói
- Tổ chức thực hiện hoạt động học tập: thiết kế các hoạt động lời nói (các mẫu) luyện tập các mẫu hoạt động lời nói, thực hành trong các tình huống phù hợp

Ở đây cần nhìn nhận rõ hơn **sự khác biệt trong nhu cầu thụ đắc của trẻ em đối với tiếng mẹ đẻ và của người học một ngôn ngữ khi đã trưởng thành** (học một ngoại ngữ). Đối với trẻ em khi thụ đắc tiếng mẹ đẻ, các em hoàn toàn không có "khao

khát chiếm lĩnh đối tượng", đây thực sự là nhu cầu tự phát, các em có nhu cầu "khái quát hiện thực" (nhu cầu về giao tiếp). Nói một cách khác, với các em ngôn ngữ (tiếng mẹ đẻ) là phương tiện để chiếm lĩnh kinh nghiệm xã hội (công cụ chiếm lĩnh hiện thực khách quan) và đồng thời là công cụ để thể hiện ý niệm riêng của mình. Còn đối với người học đã trưởng thành, họ đã có sẵn ít nhất một công cụ nhận thức xã hội và dùng công cụ đó để làm phương tiện giao tiếp với bên ngoài. Bên cạnh đó, khi học thêm một ngôn ngữ, người học trưởng thành có nhu cầu thể hiện nhận thức của mình bằng một vỏ ngôn ngữ khác. Đây là quá trình có ý thức về nội dung cần chiếm lĩnh, có mục tiêu chiếm lĩnh hẳn hoi.

Nói khái quát lại, Tâm lý học hoạt động đã trở thành cơ sở lý luận tâm lý đáng tin cậy, với luận điểm cơ bản "hoạt động là chức năng của con người". Trong giáo dục, vị trí của người học là chủ thể, **chủ thể phải tích cực, tự giác, chủ động, độc lập và sáng tạo, chủ thể phải tìm mọi cách thức để phát huy cao nhất nội lực, nội hóa kiến thức và kiến tạo nên tri thức và kỹ năng của mình**, thông qua các công cụ, trong đó hai công cụ cơ bản nhất là công cụ tâm lý và công cụ kỹ thuật. Như vậy, quá trình thụ đắc một ngôn ngữ chủ yếu là vai trò của tâm lý học (vì vậy phải tìm nội dung và giải pháp từ bình diện tâm lý học), chứ không hẳn chỉ là bình diện ngôn ngữ học (như quan niệm phổ biến hiện nay).

3. Đóng góp của ngành Ngôn ngữ học vào các đường hướng giáo học pháp ngoại ngữ

Bên cạnh đóng góp to lớn của các thuyết Tâm lý học vào việc hình thành các quan điểm giáo dục ngoại ngữ, các thuyết Ngôn ngữ học cũng đã có những ảnh hưởng rất quan trọng để cùng với các thuyết Tâm lý học mang lại những thay đổi căn bản và toàn diện cho các phương pháp, các đường hướng giáo học pháp ngoại ngữ. Sự kết hợp từng "cặp đôi lý thuyết" Tâm lý học và Ngôn ngữ học tạo nên những "Cuộc cách mạng" trong lý luận dạy – học ngoại ngữ.

Bắt đầu là **Cấu trúc luận**. Như chúng ta đã biết, thế kỉ 18-19, các thuyết ngôn ngữ học lịch sử - so sánh đã có những công lao lớn trong việc miêu tả và so sánh các

ngôn gnữ khác nhau cũng như trong nội bộ một ngôn ngữ, tuy nhiên phải đợi đến đầu thế kỷ XX, nhà Ngôn ngữ học người Pháp **Ferdinand de Saussure** với công trình nổi tiếng **Giáo trình ngôn ngữ học đại cương** (1916) mới đặt những hòn đá tảng cho một thuyết nghiên cứu tạo nên cuộc cách mạng lần thứ nhất trong Ngôn ngữ học. Thuyết **Cấu trúc luận** được xây dựng dựa trên một định nghĩa về ngôn ngữ: **Ngôn ngữ là một hệ thống các ký hiệu**, ở đó ông đã một mặt phân biệt hoạt động ngôn ngữ (năng lực bẩm sinh của con người) với ngôn ngữ (một sản phẩm của xã hội) và lời nói (mặt thực hiện cụ thể của hoạt động ngôn ngữ thông qua một ngôn ngữ cụ thể), mặt khác chứng minh tính hệ thống của ngôn ngữ, bản chất của ký hiệu ngôn ngữ và khái niệm về các mối quan hệ của các trục: trục đồng đại/lịch đại, trục liên tưởng/ngữ đoạn. Ngôn ngữ học cấu trúc đã cung cấp hệ các nguyên tắc để miêu tả một ngôn ngữ với các hệ thống nhỏ hơn của nó (âm vị - hình vị - ngữ đoạn – câu), và các công trình miêu tả ngôn ngữ đó đã cho sản phẩm là hệ thống cá tiêu chí xác định mẫu câu và danh mục các cấu trúc câu của một ngôn ngữ, được sử dụng sau này như những ngữ liệu cần thiết khi người học thụ đắc một ngôn ngữ. Đồng hành với **Cấu trúc luận** trong ngôn ngữ học, thuyết **Tâm lý học Liên tưởng** và **Tâm lý học Hành vi** đầu thế kỷ XX đã tạo nên một bước ngoặt trong phương pháp dạy – học một ngôn ngữ nói chung và một ngoại ngữ nói riêng. Tâm lý học Liên tưởng tạo cơ sở để người học hệ thống hóa lại kiến thức (các kiến thức về một ngoại ngữ), nội hóa kiến thức đó. Quá trình nội hóa đòi hỏi phải có được các hoạt động tâm lý để nội hóa kiến thức. Tâm lý học Hành vi đã cung cấp lý luận về quá trình xúc tác – phản ứng (S→R), (hay đúng hơn là mô hình S→s→r→R với sự tham gia của Ký hiệu ngôn ngữ) và tạo tiền đề cho việc luyện tập tạo sự phản xạ, luyện tập tạo sức bật. Như vậy có thể hình dung một cách khái quát là **Ngôn ngữ học cấu trúc** góp phần cung cấp dữ liệu là các cấu trúc câu, còn **Tâm lý học Liên tưởng** và **Tâm lý học Hành vi** góp phần tạo cơ chế để nội hóa các cấu trúc này và luyện tập tạo phản xạ, tạo sức bật đối với những cấu trúc câu này. Sự phối hợp giữa các học thuyết Tâm lý và Ngôn ngữ giải thích tại sao vào những năm giữa thế kỷ XX, các phòng thí nghiệm học tiếng nở rộ, ở đó người úp tai nghe vào và luyện tập hàng giờ với các **Bài tập cấu trúc** để tạo sức bật ngôn ngữ. Đây cũng là cơ sở để tạo Tri thức bậc 1, với các

Phương pháp nghe – nhìn (SGAV) trong giáo học pháp ngoại ngữ. Đường hướng giáo học pháp này xuất phát từ sự phân định đối lập giữa ngôn ngữ và lời nói, sử dụng ngữ liệu đầu vào là lời nói được thể hiện qua các mẩu hội thoại (phần lớn là tự tạo), giới thiệu lời nói đó, ngữ nghĩa hóa lời nói đó, cho nhắc lại nhiều lần lời nói đó và có thể đóng kịch lại hội thoại đó. Sau đó ngữ liệu được chuyển lên bình diện ngôn ngữ, ở đó lời nói được phân tích thành các cấu trúc câu, những mẫu câu (thông qua các thao tác thay thế, hoán vị, chuyển đổi...). Từ những mẫu câu đó, người ta bắt đầu xây dựng những **Bài tập cấu trúc** và tiến hành cho người học luyện tập các bài tập cấu trúc đó trong phòng học tiếng, hay luyện tập tại lớp với các máy ghi âm để tạo phản xạ, tạo sức bật. Một khi người học đã thành thạo những cấu trúc đã học, quá trình học lại được chuyển về khu vực lời nói (ở giai đoạn đầu có thể nói là **lời nói đi**, còn ở giai đoạn này là **lời nói đến**), những tình huống giả định mới được đặt ra (tương ứng về cơ bản với tình huống ban đầu, nhưng nhấn mạnh đến những biến thể) nhằm tạo cơ hội cho người học sử dụng những ngữ liệu đó để thực hành trong những tình huống mới.

Ở đây, xét cho cùng vẫn là mục tiêu nội hóa kiến thức bên ngoài đối với cá thể người học, tuy đã có sự tiến bộ rất nhiều so với các phương pháp dạy – học ngoại ngữ truyền thống chỉ tập trung phân tích và học thuộc các bài khóa, học thuộc các quy tắc ngữ pháp, viết luận và dịch. Giáo học pháp nghe – nhìn đã chú trọng đến ngôn ngữ nói, đến tình huống biểu đạt hơn nhưng cũng không đi xa được nhiều là sự lặp lại máy móc.

Tiếp theo các công trình nghiên cứu của F.Saussure đầu thế kỷ XX, các công trình của nhà toán học, ngôn ngữ học người Mỹ **Noam Chomsky** đã tạo nên một cuộc cách mạng lần thứ hai trong ngôn ngữ học. Chomsky cho rằng việc tạo dựng những nguyên tắc để hiểu rõ hơn hệ thống tổ chức của các tín hiệu ngôn ngữ, để miêu tả ngôn ngữ cũng là một việc làm hữu ích, tuy nhiên điều quan trong hơn "sự miêu tả một sản phẩn có sẵn" là tìm hiểu "vì sao sản phẩm đó tồn tại và cơ chế tạo lập sản phẩm đó như thế nào?". Thay vì miêu tả ngôn ngữ, Chomsky tập trung vào nghiên cứu để phát hiện ra "những quy tắc cho phép bộ óc con người tạo ra năng lực ngôn ngữ". Trong công trình **Cấu trúc cú pháp** (1957), ông đã thay thế định nghĩa cốt lõi của F.Saussure

"Ngôn ngữ là một hệ thống các tín hiệu" bằng một khám phá: **Một tập hợp hữu hạn các quy tắc cho phép sản sinh ra một tập hợp vô hạn những câu đúng về ngữ pháp**. Công trình này đã đặt nền móng cho sự ra đời của thuyết **Tạo sinh luận** trong ngôn ngữ học, đề cao tính sáng tạo, năng lực sáng tạo ra ngôn ngữ của con người. Thay vì đối lập ngôn ngữ và lời nói như F. Saussure, ông đã phân biệt **cấu trúc bề mặt** (ở tầng bậc âm vị học) và **cấu trúc chìm** (ở tầng bậc ngữ nghĩa học) và xây dựng hệ các quy tắc viết lại, là cơ sở con người sử dụng hệ các quy tắc này để tạo lập ngôn ngữ của mình. Chomsky cũng đã tách bạch khái niệm **ngôn năng** (khả năng tạo ngôn ngữ trong tâm lý con người) và **hành năng** (khả năng thực hiện những cấu trúc ngôn ngữ đó ra bên ngoài, trong những điều kiện sinh lý, vật lý và bối cảnh xã hội nhất định). Với hai đối lập này (cấu trúc bề mặt/cấu trúc chìm, ngôn năng/hành năng), ông đã đặt nền móng cho một ngữ pháp ngôn ngữ mang tính chất năng động hơn, chỉ ra được tính sáng tạo ngôn ngữ mà chỉ loài người mới có được. Cần nhấn mạnh ngôn ngữ trước hết là sản phẩm của một năng lực con người trước khi nói ngôn ngữ là một sản phẩm xã hội. Cần tìm cơ chế sáng tạo ra ngôn ngữ trước khi miêu tả nó đã tồn tại như một sản phẩm xã hội. Chỉ có hoạt động tư duy, hoạt động tâm lý của con người mới sáng tạo ra từng giây, từng phút lời nói. Ở đây, khi đề cao khái niệm **năng lực**, Chomsky đã chia sẻ với Tâm lý học hoạt động, thuyết tâm lý học cho rằng "con người sinh ra chưa có tâm lý, chưa có trí tuệ, chưa có ngôn ngữ, chỉ nhờ (bằng/thông qua) hoạt động, con người mới tự làm ra mình, làm ra tâm lý, làm ra ngôn ngữ của mình". **Thuyết tâm lý học Hoạt động** đã cùng với **Thuyết ngôn Ngữ học Tạo sinh** tạo nên một cuộc cách mạng mới trong giáo dục ngoại ngữ, đó là **Đường hướng Chức năng-Giao tiếp**. Đường hướng giáo học pháp này coi trọng năng lực giao tiếp của người học ngoại ngữ. Người học ngoại ngữ không chỉ dừng lại ở việc tiếp thụ kiến thức, nội hóa kiến thức, học thuộc các cấu trúc câu, các quy tắc ngữ pháp, các hiểu biết về hệ thống ..., kể cả việc luyện tập để tạo sức bật, tạo phản xạ phát lại các cấu trúc có sẵn đó, mà mục tiêu đạt tới của Đường hướng Chức năng-Giao tiếp trong dạy-học ngôn ngữ, dạy-học ngoại ngữ là **khả năng biểu đạt** ngôn ngữ của người học. Người học ngoại ngữ phải biết biểu đạt những câu nói vừa đúng về mặt ngôn từ vừa phù hợp với tình huống giao tiếp. Muốn vậy, người

học không thể chỉ là những cá thể học, khi đó họ không có được tình huống, bối cảnh (cho dù là giả định) để thực hành hiểu biết của mình. Họ phải có nhóm người học (một cộng đồng xã hội thu nhỏ, như trong một lớp học chẳng hạn), để trải nghiệm, để chia sẻ trong nhóm, để cùng nhau hợp tác trong các hoạt động ngôn từ. Như vậy, những **tri thức bậc 1** của người học cá thể dần trở thành những **tri thức bậc trung gian,** sẵn sàng giúp người học biểu đạt bằng ngôn từ những suy nghĩ của mình, chuẩn mực và phù hợp với tình huống giao tiếp. Tuy sự biểu đạt này chủ yếu được coi là khả năng giao tiếp một chiều, có nghĩa là "khả năng biểu đạt chính xác về mặt ngôn ngữ và phù hợp về mặt cảnh huống", chưa **hẳn là sự tương tác hai chiều**, chưa hẳn là có các **chiến lược giao tiếp hiệu quả**, chưa hẳn là sử dụng ngôn ngữ để **thực hiện các mục đích xã hội của mình**, để **hành động bằng ngôn từ**, nhưng đó đã là những bước tiến dài trong nền giáo học pháp ngoại ngữ tiên tiến.

Sau này, **Tâm lý học Hoạt động** lại có dịp kết hợp với một thuyết ngôn ngữ mới, **Thuyết ngữ dụng** mà nền tảng cơ bản được thể hiện trong nội dung của công trình **Có thể làm gì với ngôn từ** của nhà nhân chủng học người Mỹ, **John Langshaw Austin** (1975 : Với nội dung mới của lần xuất bản thứ hai so với lần xuất bản thứ nhất năm 1955). Với luận điểm cơ bản **Nói là hành động**, Austin cho rằng nếu từ khóa của "Cấu trúc luận" là **miêu tả**, từ khóa của "Tạo sinh luận" là **khám phá**, thì từ khóa cần thiết hiện nay không thể chỉ là "miêu tả cái sản phẩm của xã hội" hay "khám phá ra những quy tắc cho phép tạo lập ra ngôn ngữ" mà phải là **con người đã sử dụng cái công cụ ngôn ngữ ấy như thế nào**, từ khóa phải là **sự sử dụng**, con người sử dụng hiệu quả ngôn ngữ để hành động, **hành động bằng ngôn từ** nhằm đạt được các mục đích của mình trong cuộc sống. Con người rất có ý thức về sức mạnh của bản thân ngôn từ và sử dụng triệt để sức mạnh ấy để hành động, tác động vào thế giới bên ngoài (thiên nhiên, xã hội, con người). "Cấu trúc luận" nhấn mạnh đến "ngôn ngữ là một tập hợp các cấu trúc", "Tạo sinh luận" nhấn mạnh đến "ngôn ngữ là một tập hợp các quy tắc" thì "Ngữ dụng học" nhấn mạnh đến "ngôn ngữ là hành động". Từ nhận thức này, Austin và các học giả khác đã đi sâu vào xây dựng **lý thuyết về hành động ngôn từ** (acte de langage), trong đó đề cao "hành động tự ngôn" (còn gọi là "hành động mượn lời" hay

"lực ngôn trung"), trong chuỗi ba cấu thành của hành động ngôn từ là **hành động tạo ngôn** (acte locutoire), **hành động tự ngôn** (acte illocutoire) và **hành động khiến ngôn** (acte perlocutoire). Sự đối lập giữa **phát ngôn trần thuật** (énoncé constatif) và **phát ngôn ngữ vi** (énoncé performatif) đã cho chúng ta thấy rõ con người phát ngôn không chỉ là để miêu tả, để cung cấp thông tin mà là "đang thực hiện một hành động cụ thể nào đó" (cảm ơn, xin lỗi, đe dọa, ...). Cũng từ "lý thuyết về ngôn từ" này mà các học giả của Ngữ dụng luận đã xây dựng ra **Lý thuyết hội thoại**, đặt giao tiếp của con người trong điểm quy chiếu của **người phát ngôn** với **tư cách, thời gian, không gian** cụ thể. Các "quy tắc hội thoại", các "luật diễn ngôn", các "chỉ ngôn trao-đáp" ...., đã được xây dựng công phu nhằm chỉ ra các điểm mấu chốt của **chiến lược giao tiếp bằng lời**. Nếu như "phân tích ngôn ngữ" trong các giai đoạn trước lấy đơn vị là " âm vị-hình vị-ngữ đoạn-câu ", thì phân tích ngôn ngữ của luận thuyết này là các đơn vị **hành động ngôn từ-tham thoại-trao đáp-đoạn thoại-tương tác**. Nếu như phân tích ngôn ngữ trước đây ít chú ý đến ba yếu tố : **người nói**, **cảnh huống** và **sự thông dụng** thì đây lại chính là ba điểm nhấn của ngữ dụng học. Mang ngôn ngữ trở lại với điểm xuất phát của nó là con người, là sự sử dụng ngôn ngữ, là mục đích của giao tiếp, là tương tác liên nhân, đề cao **sức mạnh tiềm năng của ngôn từ**, **tác dụng tức thì của ngôn từ**, **quyền năng của ngôn từ**, các học giả của thuyết "Dụng học ngôn ngữ" đã mở ra cơ hội cho sự phát triển của một đường hướng giáo học pháp mới trong dạy và học ngôn ngữ nói chung và ngoại ngữ nói riêng, đó là **Quan điểm Hành động** (Perspective actionnelle). Một luồng gió mới đã thổi vào lý luận và thực tiễn dạy và học ngoại ngữ và có thể nói đó là cuộc Cách mạng lần thứ ba trong giáo học pháp ngoại ngữ (sau các « Phương pháp Nghe-Nhìn " và " Đường hướng Chức năng - Giao tiếp ").

Quan điểm hành động

Trước hết, nói về **các mục tiêu ưu tiên**. Nếu như các phương pháp và đường hướng trước đây tập trung vào mục tiêu " Học cách biểu đạt bằng ngoại ngữ với người khác", " Thực hiện thành công các kĩ năng biểu đạt " và đề cao " Vai trò của cá nhân người học", thì "Quan điểm Hành động" nhấn mạnh mục tiêu **Học cách tương tác, ứng xử bằng ngôn từ (ngoại ngữ) với người khác**, **Thực hiện các hành động chung,**

tập thể bằng ngôn từ và đề cao **Vai trò của nhóm người học.** Người học từ tư cách là " Người sử dụng", "Người biểu đạt" đã chuyển sang là **Người đối thoại**, là **Tác nhân xã hội**. Cùng với đó, người dạy từ " tư cách cố vấn, định hướng" chuyển sang "tư cách chia sẻ, xúc tác", còn phương pháp giảng dạy chuyển từ " **Quan điểm Tâm lí – Thực hành"** sang **" Quan điểm Xã hội – Tri nhận".**

Thứ hai, hãy xem các **hoạt động chủ đạo trong dạy – học ngoại ngữ** từ khi "Quan điểm Hành động" ra đời. Nếu như trong "Đường hướng Chức năng – Giao tiếp" hai hoạt động chủ đạo là " học và thực hành bốn kĩ năng (tương đối bình đẳng) với yêu cầu nhấn mạnh vào **chất lượng biểu đạt** và thực hiện các hoạt động ngôn từ thông qua các hành động ngôn từ với quan điểm **siêu ngôn ngữ** (métalinguistic) thì Quan điểm Hành động lại hướng hoạt động chủ đạo vào sự " tương tác qua các kĩ năng (5-6 kĩ năng, trong đó các kĩ năng tiếp nhận chỉ là điều kiện còn các kĩ năng biểu đạt mới là đích đến, là mục tiêu cần đạt được) với yêu cầu nhấn vào **chất lượng tương tác** và thực hiện các hoạt động tương tác bằng các **Dự án** (Project), **Nhiệm vụ** (Tash), **Kịch bản** (scenario), với quan điểm **luận ngôn ngữ** (épilinguistic). Ví dụ, phải thực hành ngôn từ về chủ đề " Bảo tàng Lịch sử", Đường hướng Chức năng-Giao tiếp có thể tổ chức các hoạt động " viết, nói về Bảo tàng Lịch sử", còn Quan điểm Hành động lại quan tâm đến việc " phản ánh về bảo tàng thì cần những gì (tâm lí – ngôn ngữ - xã hội – kĩ năng...) để tổ chức các hoạt động, trong đó người học thoát khỏi " môi trường học đường" để trở thành những **Tác nhân xã hội** thực thụ (như việc tổ chức một triển lãm giới thiệu về Bảo tàng Lịch sử).

Thứ ba là **các nguyên tắc cơ bản** cũng đã có những thay đổi lớn mang tính đột phá. Trước hết, nếu như Đường hướng Chức năng Giao tiếp có quan điểm tập trung vào **người học**, người học là **chủ thể học tập**, là **tác nhân giáo dục** thì Quan điểm Hành động tập trung vào **nhóm người học**, trong đó người học là **chủ thể tri nhận**, là **tác nhân xã hội**. Một bên, các nhiệm vụ của người học được thực hiện trong phạm vi bó hẹp của **không gian lớp học**, của học đường, thì bên kia, các nhiệm vụ học tập thực hiện **vượt ra ngoài không gian lớp học**, mang tính xã hội cao.

Nếu như trong Đường hướng Chức năng – Giao tiếp, giao tiếp là đích cần đạt đến, giao tiếp vừa là phương tiện, vừa là mục tiêu, thì giao tiếp trong Quan điểm Hành động lại chỉ là **phương tiện để phục vụ cho hành động ngôn từ tập thể**, không có mục đích tự nó. Một bên hướng tới một **khả năng** nào đó (biết làm) thì bên kia hướng đến **năng lực** (biết hành động, biết tương tác), bởi vậy một bên hướng đến phương pháp rèn luyện các kĩ năng còn bên kia hướng đến phương pháp thực hiện các hành động ngôn từ thông qua các **Nhiệm vụ**, **Dự án.**

Trong Đường hướng Chức năng – Giao tiếp, người dạy thúc giục người học **tìm kiếm tối đa các thông tin** bằng ngoại ngữ, luôn mong muốn có nhiều hơn, nhiều nhất thông tin, thì ngược lại Quan điểm Hành động lại chủ trương chỉ **tìm kiếm các thông tin hữu hiệu và các thông tin thiếu**, không mong muốn nhiều về lượng mà mong muốn chất lượng tốt hơn, khu biệt hơn, giá trị hơn, độ tin cậy cao hơn: quan điểm " tối đa" đòi hỏi " câu trả lời lí tưởng" trong Đường hướng Chức năng – Giao tiếp, trong khi yêu cầu **phù hợp** của Quan điểm Hành động chấp nhận " câu trả lời khá tốt". Trong khi Đường hướng Chức năng – Giao tiếp chủ trương **nghĩa** là quan trọng, phải đi sâu tìm hiểu nghĩa thì Quan điểm Hành động cho rằng **tạo lập nghĩa** mới quan trọng, vì vậy phải tổ chức cho người học cùng nhau tạo lập nghĩa.

Với mục tiêu là **chương trình đào tạo**, Đường hướng Chức năng Giao tiếp chú tâm hơn đến hình thức, đến việc dạy các yếu tố từ vựng, ngữ pháp thì Quan điểm Hành động lấy mục tiêu là **tương tác xã hội** nên đã nhấn mạnh đến nội dung, đến ý nghĩa giao tiếp. Vì vậy, khi tổ chức dạy học, Đường hướng Chức năng – Giao tiếp nhấn mạnh đến danh mục các yếu tố ngôn ngữ, chủ điểm, hành động lời nói trong khi Quan điểm Hành động coi trọng việc **giao các Nhiệm vụ, các Dự án cho người học** (nhóm người học) thực hiện. Khi đó, " thực hiện nhiệm vụ" không chỉ là " đơn vị hoạt động của học tập" mà chính là " đơn vị hoạt động của học tập và giảng dạy".

Không gian lớp học luôn được coi là " nơi giả định các tình huống" trong Đường hướng Chức năng – Giao tiếp, ở đó người học chưa thoát ra khỏi tâm lí của người học đơn thuần và vì vậy cũng chỉ đơn thuần thực hành bằng ngôn từ các hoạt động học tập (ví dụ: chuẩn bị một chủ đề về văn hóa để trình bày trước lớp). Trong khi

Quan điểm Hành động chủ trương đích đến là **biến người học sử dụng ngôn ngữ thành tác nhân xã hội**, có nghĩa là không gian lớp học lúc đó trở thành **nơi thực hiện các " hành động xã hội**", ở đó người học quên đi đang học một ngoại ngữ mà chỉ biết rằng mình cần phải thực hiện một Nhiệm vụ, một Dự án nào đó, và để hoàn thành công việc này thì phải sử dụng ngoại ngữ ở những mức độ nhất định (ví dụ như chuẩn bị cho một Triển lãm văn hóa đặt trong sân trường).

Nói tóm lại, Đường hướng Chức năng – Giao tiếp hướng tới hai mục tiêu, thứ nhất là **chuẩn trong ngôn ngữ** và thứ hai là **hiệu quả thông tin** trong giao tiếp. Trong khi đó, Quan điểm Hành động hướng tới một mục tiêu thứ ba nữa, đó là **thành công của Nhiệm vụ, của Dự án trong hành động**.

4. Kết luận

Có thể nói rằng những đóng góp của ngành Tâm lý học và Ngôn ngữ học cho việc hình thành và phát triển những quan điểm dạy-học ngoại ngữ là vô cùng to lớn. Khoa học về hoạt động ngôn ngữ của con người nằm ở trung tâm của nhiều ngành khoa học, của nghiên cứu liên ngành : nhân chủng học, sinh lý học, dân tộc học, xã hội học..., và của các ứng dụng công nghệ, nhưng có thể nói rằng đóng góp của Tâm lý học và Ngôn ngữ học là những đóng góp có tính chất nền tảng nhất, quyết định nhất. Để hình thành một đường hướng giáo học pháp mới trong dạy và học ngôn ngữ nói chung và ngoại ngữ nói riêng sẽ còn cần rất nhiều các nghiên cứu liên ngành nữa trong những năm tháng tới. Nhóm nghiên cứu của Trường ĐHNN-ĐHQGHN trong những năm qua đã nỗ lực để định hình đường hướng mới này : Đường hướng Kiến tạo-Hành động trong Giáo dục Ngoại ngữ. Những kết quả đạt được mới chỉ là những bước đi ban đầu. Hy vọng nhưng cố gắng này sẽ được chia sẻ, phản biện từ nhiều phía, nhiều nhà nghiên cứu và đội ngũ giảng viên để trong một tương lai không xa, một **Công nghệ Giáo dục Ngoại ngữ** sẽ được hình thành ở nước ta, góp phần thay đổi căn bản và toàn diện việc dạy và học ngoại ngữ ở Việt Nam và đóng góp vào kho tàng lý luận chung của các đường hướng dạy và học ngoại ngữ trong khu vực và trên thế giới.

Tài liệu tham khảo :

1.Piaget J., Tuyển tập Tâm lý học J.Piaget, Hà Nội, NXB Giáo dục, 2006

2. Vygosky L.S., Tuyển tập Tâm lý học, Hà Nội, NXB ĐHQGHN, 1997

3.Trần Hữu Luyến, Những bình diện Tâm lý- Ngôn ngữ học, Hà Nội, NXB ĐHQGHN, 2010

4. De Saussure F., Cours de linguistique générale, Paris, Payot, 1970

5. Chomsky N., Structures syntaxiques, Paris, La Seuil, 1969

6. Austin J.L., Quand dire c'est faire, Paris, Le Seuil, 1970

7. Le Moigne J.L., Le Constructivisme, tome 2 : Epistémologie de l'interdisciplinarité, Paris, Harmattan, 2002

Từ khóa :

tâm lý-ngôn ngữ học, giáo dục ngoại ngữ, kiến tạo-hành động, thụ đắc ngôn ngữ, kiến tạo tri thức, tạo lập kỹ năng, hoạt động ngôn từ, tâm lý học liên tưởng, tâm lý học hành vi, tâm lý học hoạt động, cấu trúc luận, tạo sinh luận, ngữ dụng học

Tóm tắt :

Có thể nói rằng những đóng góp của ngành Tâm lý học và Ngôn ngữ học cho việc hình thành và phát triển những quan điểm dạy-học ngoại ngữ là vô cùng to lớn. Khoa học về hoạt động ngôn ngữ của con người nằm ở trung tâm của nhiều ngành khoa học, của nghiên cứu liên ngành - nhân chủng học, sinh lý học, dân tộc học, xã hội học..., và của các ứng dụng công nghệ, nhưng có thể nói rằng đóng góp của Tâm lý học và Ngôn ngữ học là những đóng góp có tính chất nền tảng nhất, quyết định nhất. Để hình thành một đường hướng giáo học pháp mới trong dạy và học ngôn ngữ nói chung và ngoại ngữ nói riêng sẽ còn cần rất nhiều các nghiên cứu liên ngành nữa trong những năm tháng tới. Bài viết đã đề cập tới những đóng góp cơ bản của hai ngành Tâm lý học và Ngôn ngữ học trong việc hình thành các quan điểm giáo học pháp ngoại ngữ, đặc biệt là đóng góp của hai ngành này trong thế kỷ 20.

Xây dựng một mô hình dạy-học ngoại ngữ mới dựa trên Đường hướng Kiến tạo-Hành động trong Giáo dục Ngoại ngữ

PGS. Nguyễn Lân Trung
và nhóm nghiên cứu Trường ĐHNN-ĐHQGHN

1. Đường hướng Kiến tạo – Hành động trong dạy – học Ngoại ngữ

Trong lịch sử phát triển của Giáo dục Ngoại ngữ, sự gặp nhau của các ngành khoa học Tâm lí học, Ngôn ngữ học, Xã hội học và một số ngành khoa học kế cận khác, và gần đây là của Công nghệ, đã mang lại những dấu mốc quan trọng, những cuộc canh tân cơ bản, đưa lí luận dạy – học ngôn ngữ nói chung và Ngoại ngữ nói riêng đến những thành tựu mới. Giáo học pháp ngoại ngữ tiếp tục tìm những hướng đi mới trên nền tảng của những thành tựu đã đạt được nhằm hoàn thiện không ngừng cơ chế thụ đắc ngôn ngữ và ứng dụng nó vào giáo dục. **Quan điểm về một hướng đi "Kiến tạo-Hành động" trong Giáo dục Ngoại ngữ đang được chúng tôi xây dựng cũng không nằm ngoài mục tiêu ấy**. Một khi những cơ sở lí thuyết của Đường hướng Kiến tạo-Hành động đã phát triển mạnh mẽ, quá trình áp dụng các nguyên lí của nó vào giáo dục ngoại ngữ sẽ mang lại những cách nhìn mới, những phương pháp mới, những kĩ thuật mới cho quá trình dạy – học ngoại ngữ, thay đổi cách nhìn nhận của cả người dạy, người học và xã hội.

Vậy bản chất và nội dung của Đường hướng Kiến tạo-Hành động trong Giáo dục Ngoại ngữ (ACFLE) là gì?

Đường hướng Kiến tạo-Hành động trong Giáo dục Ngoại ngữ có một hệ khái niệm và nguyên lí riêng, nhưng có thể nói tóm tắt tư tưởng chính như sau, đó là **" Quá trình người học một ngoại ngữ tự kiến tạo lên kiến thức, trải nghiệm kiến thức và sử dụng kiến thức, kĩ năng tạo lập được để hành động bằng ngôn từ của một tiếng nước ngoài, tác động trở lại thực tế khách quan bên ngoài, đồng thời nâng nhận thức tư duy của bản thân mình lên một tầm cao mới"**. Lấy điểm xuất phát là **ý thức**, ACFE coi chìa khóa của sự thành công trong thụ đắc và sử dụng ngoại ngữ là "**sự tích**

cực chiếm lĩnh đối tượng học tập (học ngoại ngữ) của chủ thể (là người học) để nâng cao năng lực và bản lĩnh hành động bằng ngôn từ (ngoại ngữ). Từ đó, **nguyên lí cơ bản** của ACFE là "**tích cực hóa tối đa người học**" trong tất cả các khâu (các công đoạn) của quá trình học tập một ngoại ngữ, trong đó ba khâu mấu chốt, hướng đến **ba thực thể tâm lí khác nhau trong cùng một chủ thể (người học)** là " người học cá thể", " người học trong nhóm học" và " người học trong tương tác cộng đồng, xã hội". Có thể gọi ba chủ thể ở ba giai đoạn khác nhau (tất nhiên " biên giới" giữa ba chủ thể tâm lí này không phải bao giờ cũng rõ ràng mà trên thực tế nó liên tục kế tiếp và thay thế nhau trong quá trình kiến tạo tri thức, tạo lập kĩ năng và hành động bằng ngôn từ), là **" người học thụ đắc", " người học sử dụng" và " tác nhân xã hội**". Quá trình diễn biến tâm lí này đưa người học từ cá thể biết phát huy nội lực để nội hóa kiến thức bằng những trải nghiệm của riêng cá nhân, chuyển cái bên ngoài vào thành **vốn riêng** của mình, đến người học được trải nghiệm hiểu biết cá nhân của mình cùng "_nhóm người học", bổ sung, hoàn thiện kiến thức ban đầu còn mơ hồ, thiếu tính hệ thống, phiến diện (Tri thức bậc 1) của mình để có thể " cọ xát", giao tiếp bằng ngôn từ trong các tình huống giả định đa dạng, dần dần hình thành khả năng giao tiếp của cá nhân mình (4 kĩ năng nghe-nói-đọc-viết), kiến thức và kĩ năng đó có thể được gọi là "Tri thức bậc trung gian", nó làm cầu nối, là cơ sở, là điều kiện để chủ thể người học bước ra khỏi " không gian học đường" với những " tình huống giao tiếp giả định" để thực hiện các Nhiệm vụ, các Dự án đặt ra, có nghĩa là **hành động bằng ngôn từ để thực hiện các mục tiêu, mục đích của mình trong cuộc sống** (Tri thức bậc 2). Giáo dục Ngoại ngữ chính là sự tương tác giữa chủ thể người học và đối tượng học tập (sự thụ đắc và sử dụng ngoại ngữ) thông qua hoạt động. Chính việc lấy xuất phát điểm là **ý thức** và phương thức là **hoạt động** mà quá trình này đòi hỏi ở chủ thề người học các tính **tích cực-tự giác-chủ động-độc lập-sáng tạo** rất cao, đó là quá trình hoạt động bằng ngôn từ của chủ thể trong và qua tập thể. Quan điểm **"con người tự làm ra mình, làm ra bản thân tâm lí và ngôn ngữ của mình"** là sợi chỉ xuyên suốt Đường hướng Kiến tạo - Hành động trong Giáo dục Ngoại ngữ.

Một khi đã xác định được rõ bản chất, hệ các khái niệm và nguyên lí của ACFE, vấn đề còn lại là sự cụ thể hóa các ý tưởng này, có nghĩa là xác định nội dung và phương thức hoạt động từng cấu thành trong ba cấu thành chính của quá trình giáo dục ngoại ngữ là **Người học cá thể**, **Người học trong nhóm học** và **Người học trong cộng đồng**. Ở mỗi cấu thành này, phải xác định rõ ràng tâm lí của người học, mục tiêu cần đạt tới của người học, các điều kiện để đưa người học đạt được mục tiêu ấy nhanh nhất, hiệu quả nhất, chất lượng nhất trong những bối cảnh nhất định. Nội dung và phương pháp trong thụ đắc và sử dụng ngoại ngữ luôn có mối quan hệ biện chứng. Nội dung quy định phương pháp nhưng ngược lại phương pháp giúp cho quá trình xây dựng nội dung hợp lí nhất để kiến tạo tốt nhất tri thức ngoại ngữ và kĩ năng giao tiếp, nói cách khác là tạo lập tốt nhất năng lực cho người học ngoại ngữ. Trong quá trình tạo lập này, ngoài công cụ chính, công cụ cơ bản là **công cụ tâm lí**, thì trong nhiều năm qua, nhất là vào thế kỉ 21 khi nền công nghệ thế giới bùng nổ, phát triển mạnh mẽ thì **công cụ kĩ thuật** có một vai trò vô cùng to lớn trong việc thụ đắc và sử dụng ngoại ngữ, đặc biệt là những ứng dụng của **công nghệ thông tin** vào mọi khâu thuộc quá trình học tập.

Để xây dựng một đường hướng hoàn chỉnh làm cơ sở cho một **Công nghệ Giáo dục Ngoại ngữ** còn cần nhiều thời gian nghiên cứu, ứng dụng và thực nghiệm. Tuy nhiên về đại thể, chúng ta có thể hình dung những đường nét chính.

Sơ đồ về ba quá trình tâm lí khác nhau của người học nêu lên bản chất và mối quan hệ giữa các thực thể này bên trong một người học duy nhất và là cơ sở nền tảng để xây dựng lên một mô hình dạy-học ngoại ngữ mới:

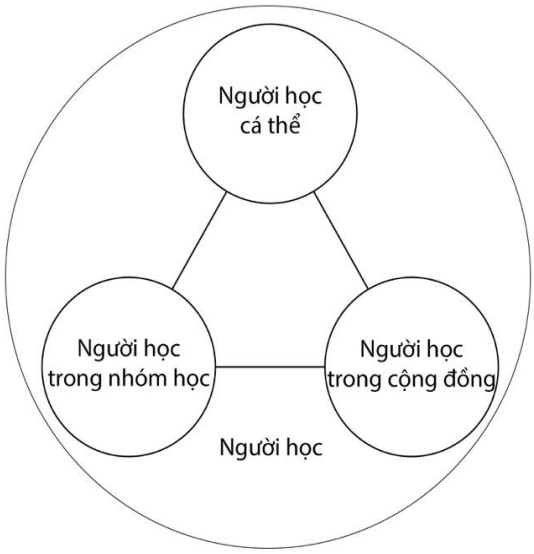

Hình 1 : Các thực thể tâm lý bên trong một chủ thể người học duy nhất

2. Người học cá thể

Người học cá thể về bản chất được gọi là **Người học tiếp thụ**. Đây là giai đoạn người học tiếp thụ các kiến thức mới trên nền các kiến thức có sẵn để tạo nên Tri thức bậc 1. Ở đây, người học nhận từ **Thiết chế giáo dục** (từ nhà trường, từ thầy cô) những kiến thức, những hiểu biết mới. Trải qua quá trình chiêm nghiệm, trải nghiệm cá nhân, **người học nội hóa những kiến thức này để làm nền tảng sử dụng trong những công đoạn tiếp theo**. Ở giai đoạn này, phương pháp dạy học tích cực, đặc biệt là phương pháp học, học cách học giữ một vai trò vô cùng quan trọng. Thiết chế giáo dục có trách nhiệm xác định nội dung đào tạo, phương pháp đào tạo và tổ chức việc đào tạo. Ở đây này, người học cần được xác định những nội dung vừa phải, phù hợp về các khu vực ngôn ngữ, (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) và các nội dung văn hóa, được giới thiệu, giải thích, hướng dẫn thụ đắc thông qua các "mẫu", với một phương pháp phù hợp và tiên tiến nhất. Bằng **Tâm lí học Liên tưởng,** người học hệ thống hóa lại kiến thức, còn bằng **Tâm lí học Hành vi** người học cá thể bắt đầu luyện tập tạo phản xạ, luyện tập tạo sức bật ngôn ngữ và tạo khả năng biểu đạt cá nhân. Thiết chế giáo dục phải xác định những hoạt động nào để nội hóa kiến thức đưa ra và những bài luyện nào để tạo phản xạ, phản ứng cho người học cá thể. Bên cạnh đó, những đóng góp về mặt Ngôn ngữ học (ở đây

là **Cấu trúc luận**) cho phép chúng ta miêu tả hệ thống ngôn ngữ, đối chiếu hai hệ thống ngôn ngữ để lên danh mục cấu trúc câu, tiêu chí xác định **mẫu câu**, cung cấp chính xác và phù hợp dữ liệu hỗ trợ cho quá trình tiến hành các hoạt động nội hóa kiến thức, nội hóa các mẫu câu (là đơn vị giảng dạy chủ yếu), tiếp thụ ngôn ngữ và khả năng biểu đạt cá nhân của người học cá thể.

Ta có thể tóm tắt ảnh hưởng của Tâm lí học và Ngôn ngữ học tới quá trình **thụ đắc ngôn ngữ** của người học cá thể như sau:

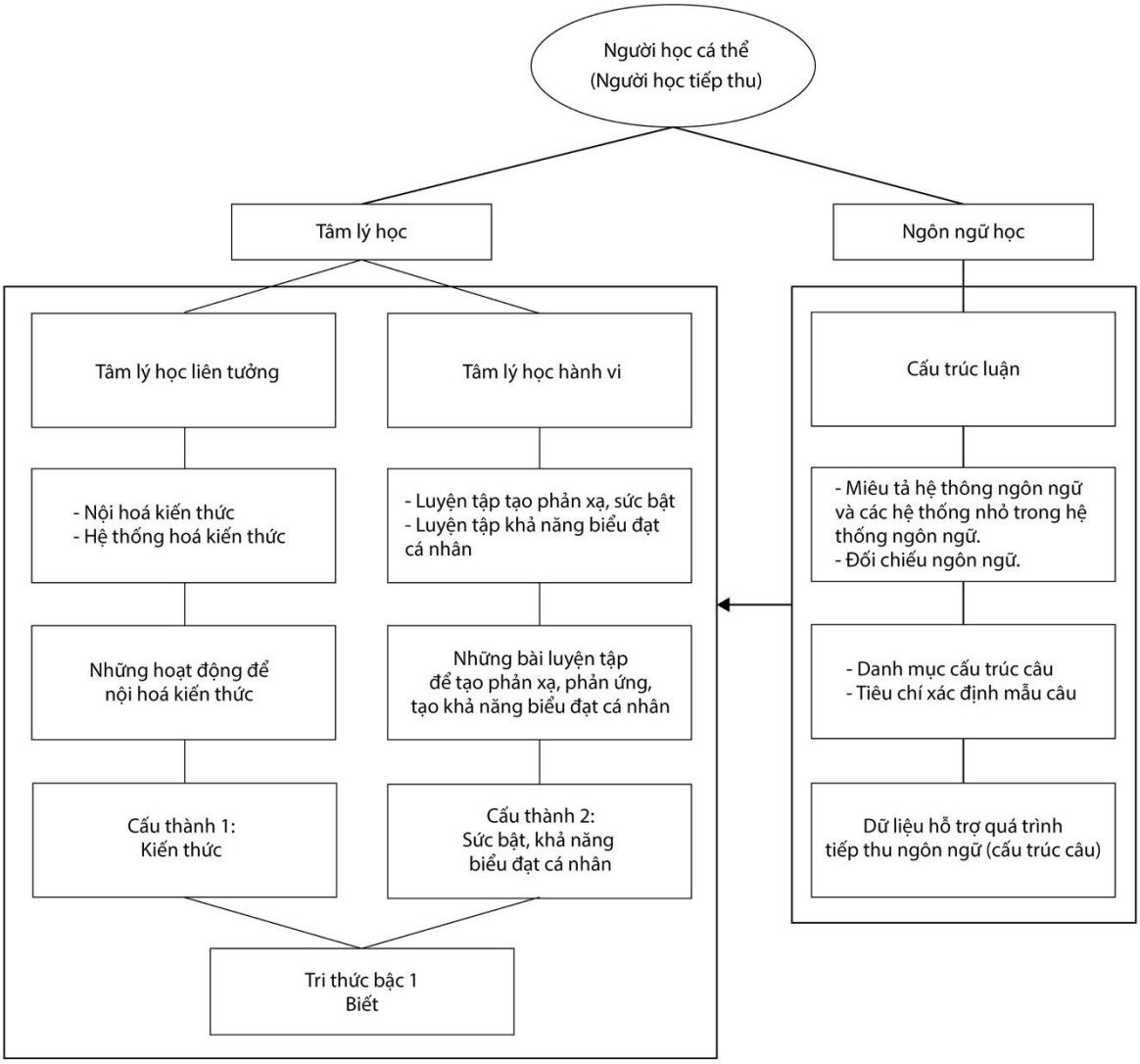

Hình 2. Người học cá thể

Như vậy, Giáo học pháp Ngoại ngữ phải trả lời một loạt các câu hỏi **về quá trình nội hóa kiến thức và hoạt động tri nhận của Người học cá thể:**

- Lựa chọn những yếu tố ngôn ngữ và văn hóa nào trong hệ thống để người học tiếp thụ trong từng giai đoạn, trong từng tình huống học tập?
- Tiếp thụ các yếu tố của hệ thống ngôn ngữ và các yêu tố văn hóa như thế nào?
- Hoạt động học tập nào là đặc thù để nội hóa hiệu quả kiến thức mới trên nền kiến thức cũ?
- Tổ chức tạo điều kiện trải nghiệm, chiêm nghiệm cá nhân cho người học cá thể thế nào?
- Biện pháp khắc phục lỗi chuyển di trong hai ngôn ngữ như thế nào?
- Hoạt động học tập nào để luyện tập phản xạ và sức bật ngôn ngữ?
- Hoạt động học tập nào để luyện tập khả năng biểu đạt cá nhân?

Trả lời được các câu hỏi này chính là xây dựng lên được **các bước đi của giai đoạn thứ nhất trong Công nghệ Giáo dục Ngoại ngữ, đó là: kiến tạo kiến thức thông qua quá trình nội hóa và tạo lập khả năng biểu đạt cá nhân.**

3. Người học trong nhóm học

Người học trong nhóm học về bản chất được gọi là **Người học sử dụng**. Đây là giai đoạn người học trải nghiệm những kiến thức cá nhân tiếp thụ, trải nghiệm cái **vốn riêng** của mình cùng những người khác, mà trong thiết chế giáo dục là trong Nhóm học, để tạo nên **Tri thức bậc trung gian**. Ở đây, người học bắt đầu chia sẻ những kiến thức sách vở, "nguyên khôi" của mình với các cá thể khác trong nhóm học. Thông qua sự "cọ xát", thậm chí "chà xát" này, những kiến thức đó được hoàn thiện hơn, đỡ "xơ cứng" hơn, có "sức sống" hơn, tóm lại là có ý nghĩa hơn, thể hiện rõ hơn chức năng của ngôn ngữ là "công cụ của tư duy" và là "phương tiện giao tiếp bằng lời". Người học cá thể không còn thu mình vào vỏ bọc riêng mà cùng các thành viên trong nhóm học trải nghiệm nhóm, chia sẻ kinh nghiệm, cùng nhau hoạt động thông qua và bằng ngoại ngữ, dần trở thành **người sử dụng phương tiện ngôn ngữ**. Thiết chế giáo dục khi ấy có trách nhiệm tổ chức các hoạt động nhóm học, tạo ngữ liệu, phương pháp và hình thức

thực hiện, hỗ trợ cho các hoạt động này, điều phối, giám sát sao cho các hoạt động nhóm diễn ra suôn sẻ nhất, công bằng nhất và hiệu quả nhất. Bằng **Tâm lý học hoạt động kiến tạo**, người học trong nhóm học bắt đầu kiến tạo kiến thức giao tiếp, tạo lập kỹ năng giao tiếp thông qua các hoạt động ngôn từ với những người khác trong nhóm học. Đây là quá trình người học cá thể "thoát" ra khỏi bản thân, sử dụng các kiến thức, tri thức được nội hóa trong giai đoạn trước để bắt đầu giao tiếp với người khác thông qua các hoạt động ngôn từ. Mục tiêu cơ bản của giai đoạn này là **khả năng biểu đạt** của bản thân, tham gia các hoạt động nhóm để tạo lập khả năng biểu đạt của cá nhân, trở thành **những người biết độc lập sử dụng ngôn ngữ để biểu đạt ý nghĩ và mong muốn giao tiếp của mình trong những tình huống giả định của thiết kế giáo dục** (ở đây là trong lớp học). Những "trải nghiệm nhóm" này, những "chia sẻ kinh nghiệm sử dụng ngôn từ để biểu đạt" này, "cùng nhau hoạt động bằng lời nói" này..., đã giúp cho "Người học trong nhóm học" hình thành "tri thức bậc trung gian", có nghĩa là hình thành "kỹ năng sử dụng kiến thức để biểu đạt trong các tình huống giả định của lớp học ngoại ngữ". Nếu như mục tiêu hình thành "Tri thức bậc 1" là "Biết", thì mục tiêu hình thành "Tri thức bậc trung gian" là "Biết làm". Không dừng lại ở mục "tiêu tích lũy kiến thức" của "Người học cá thể", "Người học trong nhóm học" tiến một bước xa hơn là hướng tới mục tiêu tạo lập **khả năng**. Về mặt đóng góp của các Học thuyết Ngôn ngữ học, trường phái **Tạo sinh luận** đứng đầu là nhà toán học Noam Chomsky, với những nghiên cứu hướng tới cấu trúc nghĩa (đối lập Cấu trúc chìm và Cấu trúc nổi), hướng tới sự sử dụng ngôn ngữ (phân biệt Ngôn năng và Hành năng)..., đã hướng giáo học pháp ngoại ngữ đến việc coi trọng hơn **"Khả năng sáng tạo lời nói"** và các **"Điều kiện để thực hiện lời nói"**. Câu nhận định nổi tiếng của Noam Chomsky **"Một tập hợp hữu hạn các quy tắc cho phép sản sinh ra một tập hợp vô hạn những câu nói đúng về ngữ pháp"** cho thấy khả năng to lớn sáng tạo ra lời nói của người sử dụng ngôn ngữ. Từ lý thuyết này, Giáo dục Ngoại ngữ coi trọng các **hành động ngôn từ**, lấy các hành động ngôn từ làm đơn vị dạy-học trong một **Đường hướng Chức năng – Giao tiếp** được hình thành và phát triển rộng rãi.

Ta có thể tóm tắt ảnh hưởng của Tâm lý học và Ngôn ngữ học tới quá trình **Thụ đắc và sử dụng ngôn ngữ** của "Người học trong nhóm học" như sau:

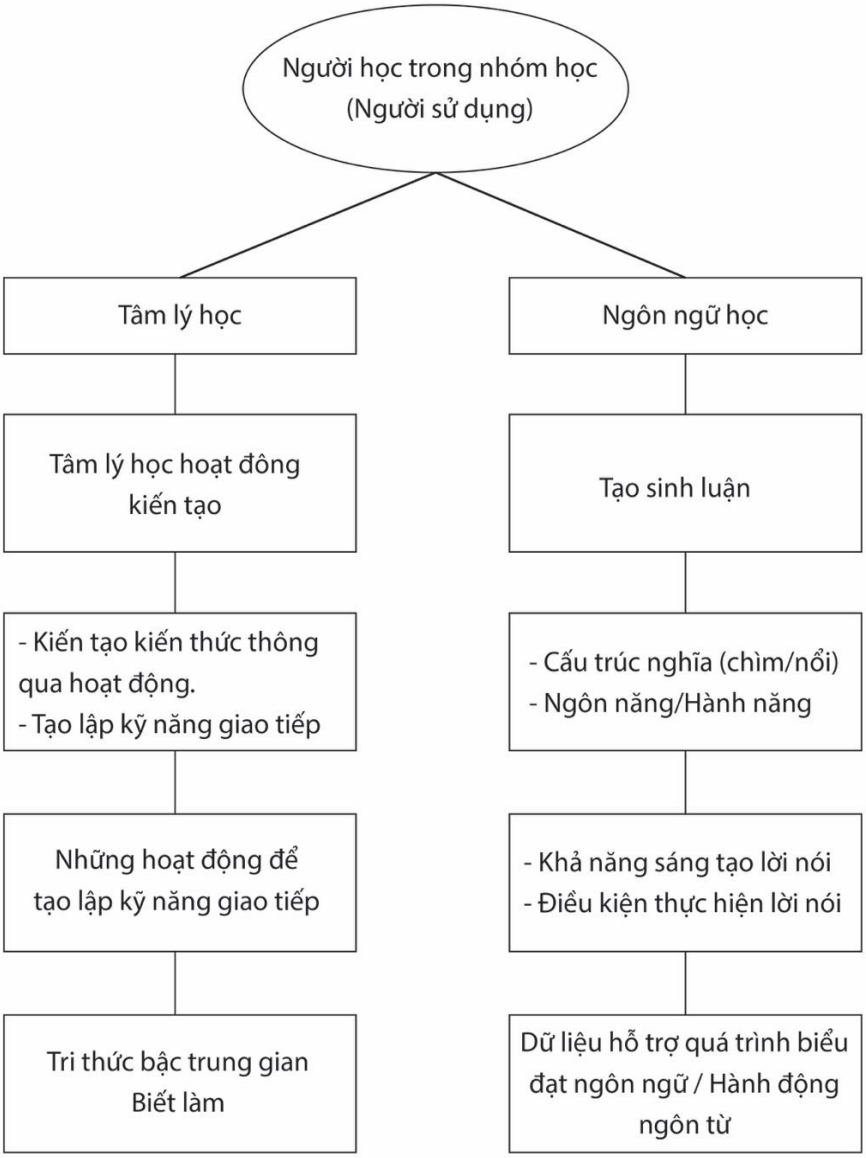

Hình 3. Người học trong nhóm học

Như vậy, giáo học pháp ngoại ngữ phải trả lời một loạt các câu hỏi về **quá trình tạo lập khả năng ngôn từ, tạo lập kỹ năng sử dụng ngôn từ của người học trong nhóm học:**

- Hoạt động học tập nào để tạo lập khả năng giao tiếp của người học ngoại ngữ?

- Xây dựng và thực hành các hành động ngôn từ trong các tình huống giả định như thế nào?

- Tạo lập khả năng biểu đạt và giao tiếp trong nhóm học, tạo lập các kỹ năng Nghe-Nói-Đọc-Viết như thế nào?

- Xây dựng hệ thống các hoạt động trong nhóm học như thế nào để tạo lập khả năng giao tiếp của người học.

- Trải nghiệm trong nhóm học, lớp học (môi trường học đường) như thế nào là hiệu quả?

Trả lời được các câu hỏi này chính là xây dựng lên được **các bước đi của giai đoạn thứ hai trong Công nghệ Giáo dục Ngoại ngữ, đó là: Tạo lập khả năng giao tiếp ở người học thông qua việc thực hành các hành động ngôn từ.**

4. Người học trong cộng đồng

Người học trong cộng đồng về bản chất được gọi là **Người học Tác nhân xã hội**. Đây là giai đoạn người học tiếp tục phát triển khả năng biểu đạt của mình thông qua tương tác cộng đồng, thực hiện các mục tiêu giao tiếp xã hội thực thụ để tạo lập **Tri thức bậc hai**. Ở đây, người học chủ động, độc lập xây dựng tư duy phê phán và bản lĩnh hành động bằng ngôn từ, người học đã thoát ra khỏi các tình huống giả định của "khuôn viên học đường", "khuôn viên giáo dục-đào tạo", **để thực sự sử dụng ngôn từ giải quyết các vấn đề đặt ra, hành động bằng/thông qua/cùng với ngôn từ để đạt được các mục đích đặt ra.** Xuất phát từ một mục tiêu xác định nào đó, nhóm người học định dạng hoạt động sẽ tiến hành, sau đó cùng nhau thiết kế các hoạt động, các chương trình hoạt động (được gọi là các **nhiệm vụ**, các **dự án**), tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, các dự án đó như một hoạt động thực tiễn xã hội có thực, với mục tiêu không còn chỉ là sử dụng đúng ngôn ngữ, biểu đạt chuẩn xác ngôn ngữ đó, mà mục đích chính là **đạt được các mục tiêu xã hội đặt ra.** Khi đó, từ vị thế người đơn thuần sử dụng ngôn ngữ, **người học tương tác** đã thực thụ trở thành **chủ thể của lời nói** trong đời sống thường nhật, trở thành **tác nhân xã hội, sử dụng ngôn từ và các hành vi khác đi kèm để hành động đạt được mục tiêu đề ra**. Thiết chế giáo dục khi đó tạo điều kiện

thuận lợi cho phép người học và nhóm người học thực hiện các nhiệm vụ, các dự án mà họ cùng nhau thiết kế lên, giúp họ, hỗ trợ họ giải quyết các vấn đề xã hội mà việc thực hiện nhiệm vụ và dự án đòi hỏi đã đặt ra. Bằng **Tâm lý học hoạt động tương tác, "**Người học trong cộng đồng" không còn chỉ bằng lòng với việc biểu đạt đúng, sử dụng chuẩn mực ngôn từ, mà ngôn từ lúc đó chỉ còn là phương tiện (không còn là mục đích đạt đến) để người học sử dụng cùng với các phương tiện khác, hành động đạt đến mục đích xã hội mà mình mong muốn. Đây là quá trình người học **"tương tác cộng đồng bằng và thông qua ngôn từ"**, người học "**xây dựng năng lực hành động bằng và thông qua ngôn từ".** Thoát ra khỏi khung cảnh, bối cảnh luôn là giả định của lớp học, của trường học, người học luôn coi việc thực hiện các mục tiêu xã hội đề ra là các mục tiêu có thực, không phải là mục tiêu giả định, họ luôn coi sự thành công trong việc thực hiện một nhiệm vụ, một dự án là một thành công trong cuộc sống thực của họ, có ý nghĩa xã hội hoàn hảo. Khi thực hiện các nhiệm vụ và dự án đó, họ đã **"quên"** là họ đang học tập một ngoại ngữ, mà chỉ nghĩ đang hành động (một phần bằng ngôn từ) để đạt được mục tiêu xã hội đã đặt ra. Nếu như mục tiêu hình thành "Tri thức bậc một" là "Biết", mục tiêu hình thành "Tri thức bậc trung gian" là "Biết làm", thì mục tiêu hình thành "Tri thức bậc hai" là "Biết hành động". Không dừng lại ở mục tiêu **tích lũy kiến thức** hay mục tiêu **tạo lập khả năng biểu đạt**, "Người học trong cộng đồng" tiến một bước xa hơn là hướng tới mục tiêu **kiến tạo năng lực hành động**. Về mặt đóng góp của các học thuyết Ngôn ngữ học, trường phái **Dụng học ngôn ngữ (Ngữ dụng học)** với lý thuyết nền tảng của nhà Nhân chủng học John Langshaw Austin hướng tới tác động của hoạt động ngôn ngữ (biểu đạt ngôn ngữ không chỉ còn là giao tiếp bình thường mà là một hành động, "nói là làm"), coi trọng ý nghĩa hành động ngôn từ, tác động trực tiếp đến đối tác, làm thay đổi thái độ và hành vi của đối tác. Lý thuyết về **hành động ngôn từ** và về **phân tích diễn ngôn** đã tạo cơ sở để hình thành lý thuyết về **hội thoại**. Từ lý thuyết này, giảng dạy ngoại ngữ coi trọng **tương tác**, coi trọng mục đích đạt được của hành động với sự hỗ trợ của hoạt động ngôn từ chứ không phải chỉ là bản thân hoạt động ngôn từ, và lấy "nhiệm vụ", "dự án" làm đơn vị dạy – học trong một đường hướng

giáo học pháp mới, đó là **Quan điểm hành động**, được hình thành và phát triển mạnh mẽ từ đầu những năm 2000.

Ta có thể tóm tắt ảnh hưởng của Tâm lý học, Ngôn ngữ học tới quá trình **tương tác thông qua ngôn từ** của "Người học trong cộng đồng" như sau:

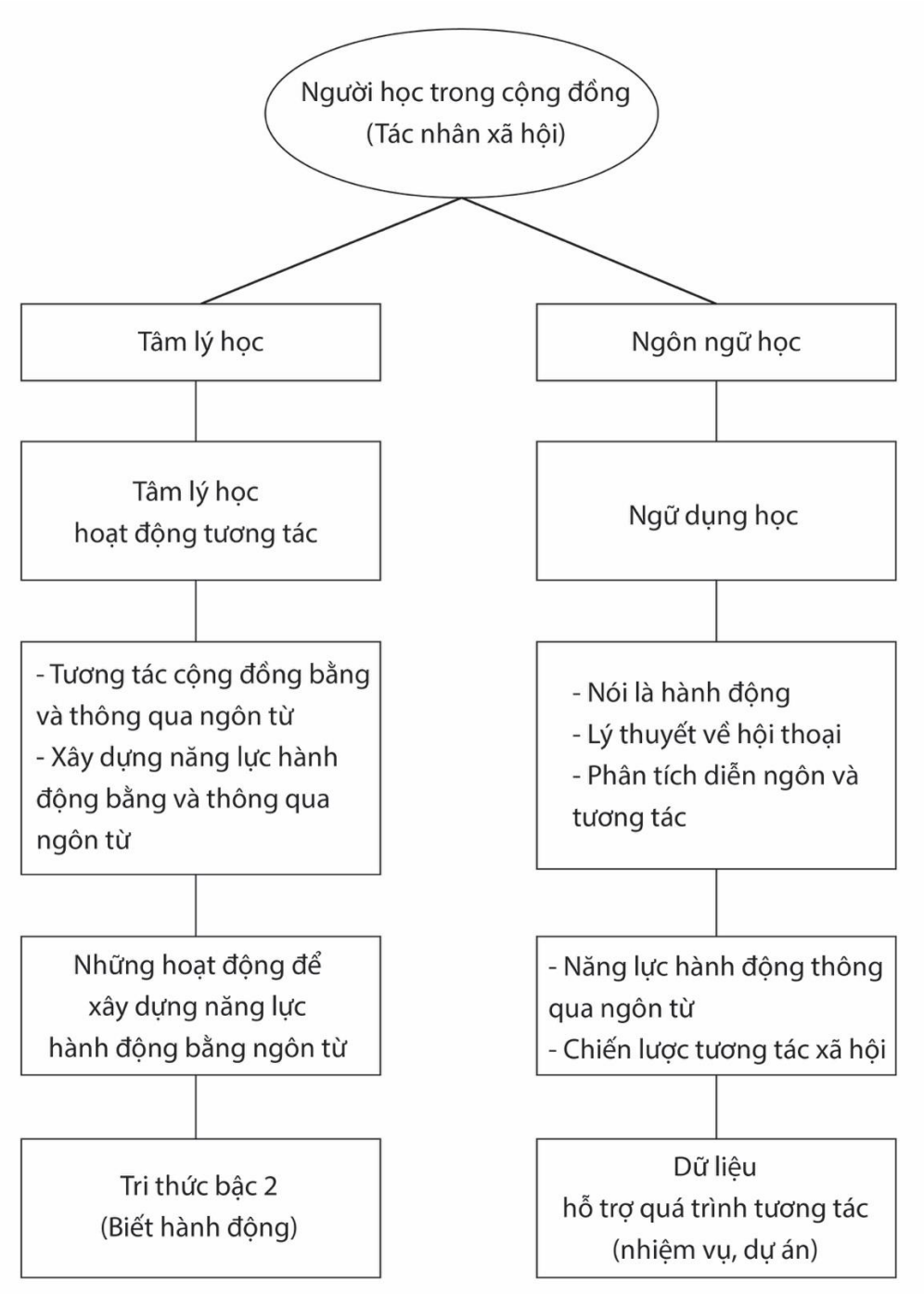

Hình 4. Người học trong cộng đồng

Như vậy giáo học pháp ngoại ngữ phải trả lời một loạt các câu hỏi về **quá trình xây dựng năng lực hành động bằng và thông qua ngôn từ của Người học trong cộng đồng:**

- Hoạt động học tập nào để xây dựng năng lực hành động bằng và thông qua ngôn từ?
- Thiết kế và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, các dự án như thế nào để đạt hiệu quả cao nhất?
- Tạo lập năng lực tương tác bằng ngôn từ, xây dựng bản lĩnh hành động thông qua giao tiếp ngôn từ như thế nào?
- Từ trải nghiệm trong nhóm học, lớp học đến trải nghiệm ngoài môi trường học đường, trong cộng đồng, trong xã hội, sẽ gặp những thách thức nào? Có những giải pháp nào?

Trả lời được các câu hỏi này, chúng ta đã xây dựng được **các bước đi của giai đoạn thứ 3 trong Công nghệ Giáo dục Ngoại ngữ: Kiến tạo năng lực hành động thông qua và bằng ngôn từ của người học với tư cách là một Tác nhân xã hội thực thụ.**

5. Kết luận

Chúng ta vẫn thường nói "Tâm điểm của giáo dục luôn là không ngừng tìm kiếm những lý luận mới, những mô hình mới giúp người học chủ động, sáng tạo, tạo lập trí thức của mình, chuyển hóa thành hành động phục vụ cuộc sống, phục vụ xã hội và phục vụ chính bản thân mình. Giáo dục Ngoại ngữ trong gần một thế kỷ qua đã trải qua rất nhiều biến động dưới tác động của tâm lý học, giáo dục học, ngôn ngữ học và các ngành khoa học kế cận khác. Những thành tựu thu được trong các ngành khoa học này cho phép tạo ra những thay đổi căn bản và toàn diện trong phương pháp dạy – học Ngoại ngữ. Bước vào thế kỷ 21 với sự bùng nổ của công nghệ thông tin, giáo học pháp ngoại ngữ cũng đang có những chuyển mình đáng kể. Tất cả những thay đổi đó đòi hỏi

chúng ta cùng nhau nỗ lực gây dựng, hình thành, phát triển và hoàn thiện một **Công nghệ Giáo dục Ngoại ngữ** khoa học, phù hợp với thời đại và với con người Việt Nam.

Đường hướng Kiến tạo-Hành động trong Giáo dục Ngoại ngữ do nhóm các giảng viên Trường ĐHNN-ĐHQGHN tiến hành nghiên cứu và thực hiện trong những năm vừa qua cũng không nằm ngoài khuynh hướng này. Sẽ còn rất nhiều nghiên cứu lý thuyết, ứng dụng, rất nhiều các thực nghiệm nữa được tiến hành trong thời gian tới để **khẳng định một hướng đi mới, một mặt góp phần vào kho tàng lý luận chung về phương pháp dạy-học Ngoại ngữ, mặc khác cho ra đời những sản phẩm dạy-học Ngoại ngữ cụ thể được xã hội công nhận về tính khoa học và tính hiệu quả.**

Bằng bài viết này, chúng tôi mong muốn bước đầu giới thiệu phương pháp luận cũng như những nguyên tắc cơ bản của đường hướng mà chúng tôi đang theo đuổi. Chúng tôi mong muốn nhận được sự chia sẻ, góp ý của đồng nghiệp gần xa để trong một thời gian không xa, chúng ta có được một **Công nghệ Giáo dục Ngoại ngữ của Việt Nam**, phù hợp với đòi hỏi ngày càng cao của người dạy và người học Ngoại ngữ trong bối cảnh đất nước phát triển và hòa nhập ngày hôm nay.

Tài liệu tham khảo :

1. Piaget J., Tuyển tập Tâm lý học J.Piaget, Hà Nội, NXB Giáo dục, 2006

2. Vygosky L.S., Tuyển tập Tâm lý học, Hà Nội, NXB ĐHQGHN, 1997

3. Trần Hữu Luyến, Những bình diện Tâm lý- Ngôn ngữ học, Hà Nội, NXB ĐHQGHN, 2010

4. De Saussure F., Cours de linguistique générale, Paris, Payot, 1970

5. Chomsky N., Structures syntaxiques, Paris, La Seuil, 1969

6. Austin J.L., Quand dire c'est faire, Paris, Le Seuil, 1970

7. Le Moigne J.L., Le Constructivisme, tome 2 : Epistémologie de l'interdisciplinarité, Paris, Harmattan, 2002

8. Bourguignon C., De l'approche communicative à l'approche communic'actionnelle : une rupture épistémologique en didactique des langues-cultures, Synergie Europe No1, 2006
9. Conseil de l'Europe, Un Cadre européen commun de référence pour les langues : apprendre, enseigner, évaluer, Paris, Didier, 2001

Từ khóa :
Đường hướng kiến tạo-hành động, công nghệ giáo dục ngoại ngữ, người học cá thể, người học trong nhóm học, người học trong cộng đồng, tác nhân xã hội, tri thức bậc 1, tri thức bậc trung gian, tri thức bậc 2, nội hóa kiến thức, khả năng biểu đạt, kỹ năng giao tiếp, năng lực hành động

Tom tắt:
Đường hướng Kiến tạo-Hành động trong Giáo dục Ngoại ngữ đã được nhóm các giảng viên Trường ĐHNN-ĐHQGHN tiến hành nghiên cứu và thực hiện trong những năm qua. Bằng bài viết này, các tác giả mong muốn bước đầu giới thiệu quan điểm cũng như những nguyên tắc cơ bản của đường hướng, nhằm tiến tới xây dựng một **Công nghệ Giáo dục Ngoại ngữ của Việt Nam**, phù hợp với đòi hỏi ngày càng cao của người dạy và người học Ngoại ngữ trong bối cảnh đất nước phát triển và hòa nhập ngày hôm nay.